

Chương 4

KIẾN TRÚC HY LẠP CỔ ĐẠI

4.1. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ Ý NGHĨA CỦA NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC HY LẠP CỔ ĐẠI

Nền kiến trúc Hy Lạp cổ đại ra đời và hình thành trên một vùng đất đai rộng lớn, bao gồm miền Nam bán đảo Ban Căng, các đảo nhỏ ở vùng biển Égée, khu vực Tiểu Á Tế Á, vùng ven biển Hắc Hải, Italia, Sicile, Pháp, Tây Ban Nha và cả Ai Cập.

Ăngghen trong quyển "Chống Duyrinh" đã đánh giá cao những giá trị mà Hy Lạp và La Mã để lại cho đời sau. Đặc biệt với Hy Lạp, trong triết học, lịch sử, thơ ca, văn học, nghệ thuật, kiến trúc... giá tài để lại là vô cùng quý giá. Hy Lạp và La Mã là quê hương đầu tiên của kiến trúc Châu Âu.

Nghệ thuật kiến trúc Hy Lạp cổ đại nảy sinh trong một khung cảnh thiên nhiên đầy vẻ trữ tình: biển xanh rờn, những rặng núi đá lấp lánh như thuỷ tinh thể, những rừng cây um tùm tươi tốt. Khí hậu ôn đới Địa Trung Hải cũng hết sức ưu ái khu vực này, nhiệt độ mát mẻ, dễ chịu tạo cho con người sống hoà đồng với thiên nhiên, quen với sinh hoạt ngoài trời.

Một trong những điều kiện thuận lợi nữa là xã hội Hy Lạp cổ đại có nền chính trị, kinh tế ổn định và tương đối tiến bộ.

Lịch sử nghệ thuật Hy Lạp được chia làm hai thời kỳ lớn: thời kỳ *Tiền Hy Lạp* (từ 3000 năm đến 1200 năm tr. CN) và thời kỳ *Hy Lạp chính thống* (từ thế kỷ XII đến thế kỷ I tr. CN).

Thời kỳ Tiền Hy Lạp (còn gọi là thời kỳ văn minh vùng biển Égée) bao gồm ba giai đoạn là:

- Giai đoạn thứ nhất: văn hoá đồ đồng thiên niên kỷ III (gần như còn rất ít dấu vết để lại).
- Giai đoạn thứ hai: văn minh đảo Crète (năm 2000 - 1600 tr. CN).
- Giai đoạn thứ ba: văn minh Micènes (kéo dài trong nửa sau Thiên niên kỷ thứ II tr. CN).

Thời kỳ Hy Lạp chính thống, là thời kỳ sinh ra một trong những nền văn hoá rực rỡ nhất của nhân loại, được phân ra bốn thời kỳ nhỏ:

- Thời kỳ Hômer (thế kỷ XII đến thế kỷ IX tr. CN).
- Thời kỳ Viên cổ (thế kỷ XIII đến thế kỷ VI tr. CN).
- Thời kỳ Cổ điển (thế kỷ V đến thế kỷ IV tr. CN).
- Thời kỳ Hy Lạp hoá (thế kỷ III đến thế kỷ I tr. CN).

Nhiều thành tựu kiến trúc Hy Lạp cổ đại tập trung nhất vào thời kỳ Cổ điển, đây là "Thời đại Vàng" của Hy Lạp cổ đại và được chia làm ba giai đoạn:

- *Giai đoạn cổ điển tiền kỳ* (nửa đầu thế kỷ thứ V tr. CN).
- *Giai đoạn cổ điển thịnh kỳ* (nửa sau thế kỷ thứ V tr. CN).
- *Giai đoạn cổ điển hậu kỳ* (nửa đầu thế kỷ thứ IV tr. CN).

Quá trình phát triển của kiến trúc Tiền Hy Lạp và Hy Lạp cổ đại theo bảng sau:

Phân kỳ kiến trúc - văn minh Égée

| Thời gian | Thiên niên kỷ III | 2000-1600 năm tr. CN | Nửa sau Thiên niên kỷ II |
|-----------------------|---------------------|------------------------|--------------------------|
| Thế kỷ | XXX-XX | XX-XVI | XV-XII |
| Các giai đoạn lịch sử | (1) Văn hoá đồ đồng | (2) Văn minh đảo Crète | (3) Văn minh Micènes |

Phân kỳ kiến trúc Hy Lạp cổ đại chính thống

| Thời gian | Thế kỷ XII-XI tr. CN | Thế kỷ X-IX tr. CN | Thế kỷ VIII-VII tr. CN | Thế kỷ VI-V tr. CN | Thế kỷ IV-III tr. CN | Thế kỷ II-I tr. CN |
|-----------------------|----------------------|--------------------|--|--------------------|------------------------------------|--------------------|
| Thế kỷ | XII-XI | X-IX | VIII-VII | VI-V | IV-III | II-I |
| Các giai đoạn lịch sử | (1) Thời kỳ Hômer | | (2) Thời kỳ Viên cổ (3) Thời kỳ Cổ điển | | (4) Thời kỳ Hy Lạp hoá (Macedonie) | |

Nội dung của kiến trúc Hy Lạp cổ đại rất phong phú và có thể tiếp cận bằng nhiều cách: có thể nghiên cứu theo thời gian; theo cách diễn tiến, theo loại hình cũng như theo hình thức; bố cục; tư tưởng của tác phẩm kiến trúc.

4.2. KIẾN TRÚC ĐẢO CRÈTE VÀ KIẾN TRÚC MICÈNNES

Vùng biển Égée cổ đại có biển Égée là trung tâm, với các đảo trên khu vực biển cộng thêm với bán đảo Hy Lạp và vùng bờ biển Tiểu Á Tế Á. Khu vực này bao gồm các địa danh sau đây:

- 1) Núi Olymp (Hy Lạp);
- 2) Sparta (Hy Lạp);
- 3) Micènes (Hy Lạp);
- 4) Tiryns (Hy Lạp);
- 5) Corinth (Hy Lạp);
- 6) Epidaure (Hy Lạp);

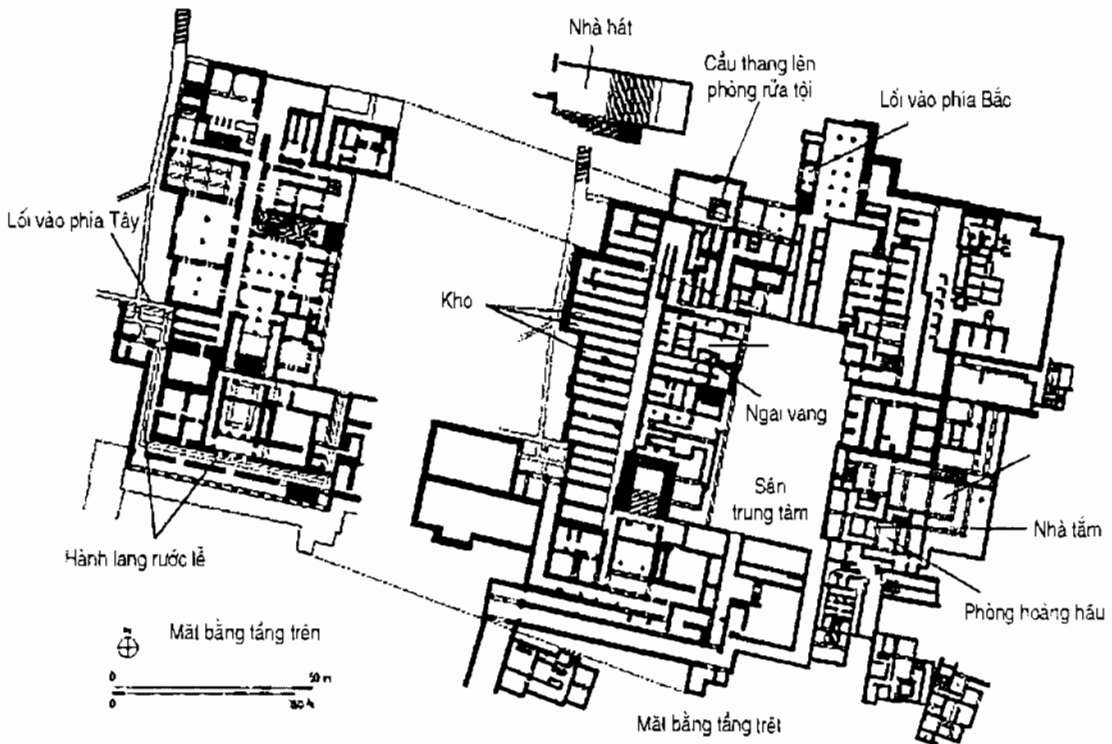
- 7) Athènes (Hy Lạp);
- 8) Knossos (đảo Crète, Hy Lạp);
- 9) Byzantine (Thổ Nhĩ Kỳ);
- 10) Priene (Thổ Nhĩ Kỳ);
- 11) Milet (Thổ Nhĩ Kỳ);

Nền văn hoá đảo Crète (phát triển trong khoảng những năm 2000-1600 tr. CN) nảy nở tại các điểm dân cư đô thị Knossos, Phest, Triada trên đảo và lan truyền ra hàng chục đảo nhỏ khác và phát triển cả ở thành Troie (Tiểu Á Tế Á).

Đảo Crète cùng với thành Micènes trên đất liền đã phát triển nền kiến trúc rực rỡ của mình với các loại hình đa dạng như thành phố, cung điện, nhà ở, lăng mộ và thành quách.

Kiến trúc đảo Crète

Ở thời kỳ này, việc xây dựng kiến trúc cung điện phát triển rất mạnh, nổi bật nhất là cung điện của nhà vua Minoan ở Knossos là biểu tượng của văn hoá đảo Crète.



Mặt bằng tổng thể Cung điện ở Knossos, đảo Crète

Cung điện của nhà vua Minos được xây dựng năm 1600-1500 tr. CN. Người đảm nhiệm việc chủ trì xây dựng cung điện này theo truyền thuyết là kiến trúc sư Dédale (Dédale là người phát minh ra đôi cánh), ông đã lợi dụng vách núi đá cheo leo để xây dựng cung điện với một quy mô rất lớn. Do có hai lối vào rất khó nhận biết kết hợp với hệ thống phòng ốc, đường giao thông rất phức tạp nên cung điện này còn có tên gọi là Mê cung (Labyrinth).

Giữa cung điện có một cái sân trong lớn hình chữ nhật, cạnh Đông - Tây dài 27,4 mét, cạnh Bắc - Nam dài 51,8 mét, xung quanh sân bố trí dày đặc các phòng ở. Khu vực nhà vua ở nằm ở phía Nam sân trong lớn này, bao gồm chính điện, phòng ở của hoàng hậu, phòng ngủ, phòng tắm, nhà kho, các phòng trên được bố trí đan xen với một số giếng trời có kích thước to nhỏ khác nhau.

Phía Tây cung điện là khu vực nghi lễ, tiếp theo là khu nhà kho có mặt bằng mảnh và dài, phía Bắc có nhà hát ngoài trời. Cung điện đặt trên địa thế bám theo núi đá nên cầu thang, lối đi rắc rối, phức tạp, tuy vậy một số sảnh đường dùng các cột liên hệ với ngoài trời vừa đón được hướng gió mát mẻ của đảo Crète vừa kết hợp với sân trong tạo nên thủ pháp kiến trúc rất hay. Cột hình thức tròn, trên to dưới bé nhưng do dùng tỷ lệ đường kính trên chiều cao là 1:5; 1:6 nên cân đối, mạnh mẽ. Các bức tranh tường dùng phong cách tả thực, màu sắc phong phú, tạo nên những bức tranh rất đẹp. Chân các bức tường xung quanh cung điện xây bằng đá học, tạo cho công trình vững chắc, khoẻ mạnh.

Cổng chính của cung điện có hình dáng giống chữ H, phía trước đặt hai cây cột. Kiểu cổng này rất thông dụng đối với kiến trúc Egée, về sau còn được Hy Lạp sử dụng nhiều trong các công trình kiến trúc công cộng.

Tương truyền, cung điện nhà vua Minos gắn liền với con "Nhân ngư", câu chuyện con Nhân ngư Ménétaure cũng xuất hiện từ cung điện này.

Điều đáng chú ý là cung điện Knossos tuy bí hiểm nhưng không có tường thành bảo vệ, điều đó chứng minh rằng sau những cuộc chiến tranh, đảo Crète đã có một thời gian khá dài ở vào thời kỳ thanh bình.

Ngoài cung điện Krossos, trên đảo Crète còn có cung điện Phaertus, diện tích mỗi cung điện này đều rộng khoảng 1,5 ha; nền văn hoá đảo Crète còn để lại nhiều dấu vết kiến trúc mang tính chất thế tục khác như nhà ở, biệt thự, nhà trọ, nhà tắm công cộng.

Kiến trúc Micènes

Cùng với nền kiến trúc của đảo Crète, nền kiến trúc Micènes được đánh giá là dấu ấn nổi bật trên đất liền. Dấu vết những công trình kiến trúc giai đoạn này được nhìn thấy qua khảo sát việc xây dựng thành quách, lâu đài và lăng mộ còn lưu lại.

Đặc trưng kiến trúc thành quách của Micènes phải kể đến toà thành Micènes (thành Tyrins - thế kỷ XIV tr. CN), nó được xây dựng bằng những khối đá lớn khổng lồ (có

khối đá nặng tới 5-6 tấn), đó là một loại *vệ thành* (dùng để chỉ các điểm dân cư đô thị có tường thành bảo vệ kiến cố, thường đặt trên các khu vực đồi núi cao, loại hình vệ thành đến giai đoạn kiến trúc Hy Lạp chính thống rất phát triển). Trong thành có cung điện, nhà ở quý tộc, kho tàng và lăng mộ.

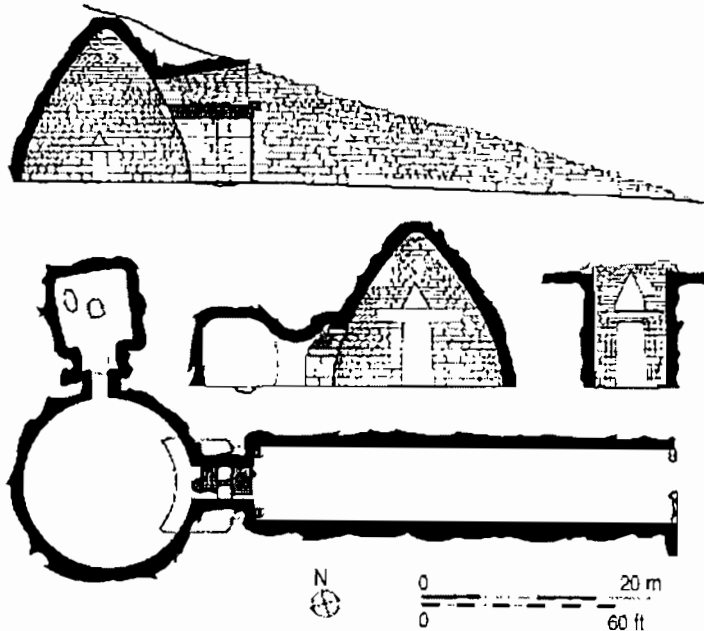
Các công trình kiến trúc đáng chú ý nhất ở Micènes là cổng thành Sư Tử (Lion Gate), khu lăng mộ của Atreus.

Cổng Sư Tử được xếp bằng những khối đá lớn chồng lên nhau, chủ yếu là hai khối đá dựng đứng tạo một khoảng rộng 3,2 mét thông thủy, bên trên gác một khối đá dài 4,9 mét, dày 2,4 mét và cao khoảng 1,06 mét. Trên dầm đá đặt một khối đá hình tam giác gần đều khắc hai con sư tử đang ở tư thế chồm lên quay mặt vào nhau. Giữa hai con sư tử có một cột đá thẳng đứng, cột này tượng trưng cho toà thành cần được Sư Tử bảo vệ. Loại cổng thành này ở Micènes có tương đối nhiều.

Lăng mộ (cũng là Kho báu) của Atreus được xây dựng vào khoảng năm 1325 tr. CN. Phòng mộ có dạng hình tròn, đường kính 14,5 mét, cao 13,4 mét, xây theo kiểu cuốn vòm. Để vào được Lăng mộ phải đi qua một hành lang dài khoảng 35 mét.

Nền văn minh Micènes chỉ được hình dung ra một cách trọn vẹn sau khi nhà khảo cổ học người Đức Heinrich Schlieman tiến hành khai quật bắt đầu từ năm 1874 đến năm 1880.

Người Crète và người Micènes đều xây dựng các công trình kiến trúc bằng gỗ, gạch không nung, đá không qua đẽ gọt, tuy vậy kỹ thuật xây đá hết sức hoàn hảo. So với đảo Crète, kiến trúc Micènes có phần đơn giản, thô mộc hơn.



Mặt bằng kho báu của Atreus



Cổng Sư Tử



Khu trung tâm lăng mộ của Atreus

4.3. SỰ HÌNH THÀNH CÁC QUẦN THỂ KIẾN TRÚC THÁNH ĐỊA VÀ CÁC QUẦN THỂ KIẾN TRÚC CÔNG CỘNG HY LẠP CỔ ĐẠI

Vào thời kỳ chế độ nô lệ sơ khai, thế kỷ VIII đến thế kỷ VI tr. CN, đã sớm hình thành nên hai loại nhà nước thành bang.

Loại thành bang thứ nhất: lấy sản xuất nông nghiệp làm chủ đạo, phát triển ở Sicile, Italia và bán đảo Péloponnèse. Ở đây chế độ bộ lạc thị tộc còn mạnh, tầng lớp quý tộc được cống nạp và hưởng đặc quyền đặc lợi. Nền văn hoá của các thành bang nông nghiệp hầu hết lạc hậu và có nền kinh tế trì trệ.

Loại thành bang thứ hai: nhân dân có nghề thủ công nghiệp, thương nghiệp và nghề đi biển, họ có khả năng đối kháng nhất định đối với tầng lớp quý tộc. Loại thành bang này phát triển mạnh ở vùng biển Égée, ở Tiểu Á Tế Á, là những thành bang theo chính thể cộng hoà, ở đây chế độ bộ lạc khu vực đã thay thế cho chế độ bộ lạc thị tộc. Ví dụ tiêu biểu nhất là thành Athènes thuộc Hy Lạp, có trình độ văn hoá cũng như các thành tựu kiến trúc đạt tới đỉnh cao.

Quần thể Kiến trúc thánh địa

Thời kỳ sơ khai, các quần thể kiến trúc vệ thành chủ yếu là nơi ở của các thủ lĩnh bộ lạc, là trung tâm chính trị, quân sự và tôn giáo (điều này thấy rõ ở văn minh đảo Crète và văn minh Micènes).

Đến thời đại Hy Lạp cổ đại chính thống, giai cấp chủ nô, quý tộc rút ra khỏi các khu vực vệ thành thường xây dựng trên những khu đồi cao, sau đó các quần thể kiến trúc thánh địa được hình thành trên các vệ thành cũng như một số khu vực quan trọng của các khu dân cư. Các khu thánh địa này, người dân thờ thần bảo hộ và thần tự nhiên, không giống như các khu vệ thành cũ của giai cấp thống trị chủ yếu là thờ tổ tiên.

Tại các quần thể kiến trúc thánh địa và dân dụng, người dân định kỳ cử hành các lễ hội, thi đấu thể thao, bình luận văn chương, ngâm thơ, diễn thuyết và diễn kịch, có những nơi còn có chức năng trao đổi mua bán. Như vậy, xung quanh những quần thể kiến trúc này người ta xây dựng lên các bãi thi đấu, quán trọ, hội trường, các hành lang thức cột và các loại đền đài...

Người Hy Lạp cổ đại đua nhau xây dựng các quần thể thánh địa cho mình càng to, càng đẹp hơn các địa phương khác còn để tỏ lòng hiếu khách, đón được nhiều khách hành hương.

Tiêu biểu của kiến trúc thánh địa là quần thể thánh địa Apolo, nằm trên sườn đồi của ngọn núi Parnassus, đó là Delphi quê hương truyền thuyết của nữ thần Muses.

Đối với những người Hy Lạp cổ đại, đây là cái rốn của vũ trụ. Quần thể thánh địa Apolo được xây dựng vào năm 370 tr. CN và phải mất 30 sau đó mới hoàn thành.

Quanh khu vực thánh địa Apolo là địa điểm của các thánh địa khác nhau và là sự hiện hữu của các sân vận động, sân điền kinh, trung tâm thi đấu các môn thể thao.

Quần thể thánh địa Apolo cũng nhấn mạnh vai trò chủ chốt của đền thờ, nhưng các công trình công cộng ở xung quanh và đường đi lối lại được quy hoạch rất tự nhiên, không gò bó mà tùy thuộc vào địa hình, tạo thành một toàn cảnh kiến trúc phong phú, biến hoá, tầng tầng lớp lớp.

Để kỷ niệm việc thần Apolo giết chết Python (con rắn khổng lồ, theo truyền thuyết là con gái của nữ thần đất Gaia), cứ 4 năm lại tổ chức thi điền kinh Phytho một lần tại đền thờ Apolo



Quần thể thánh địa



Thánh địa Apolo

Quần thể Kiến trúc công cộng

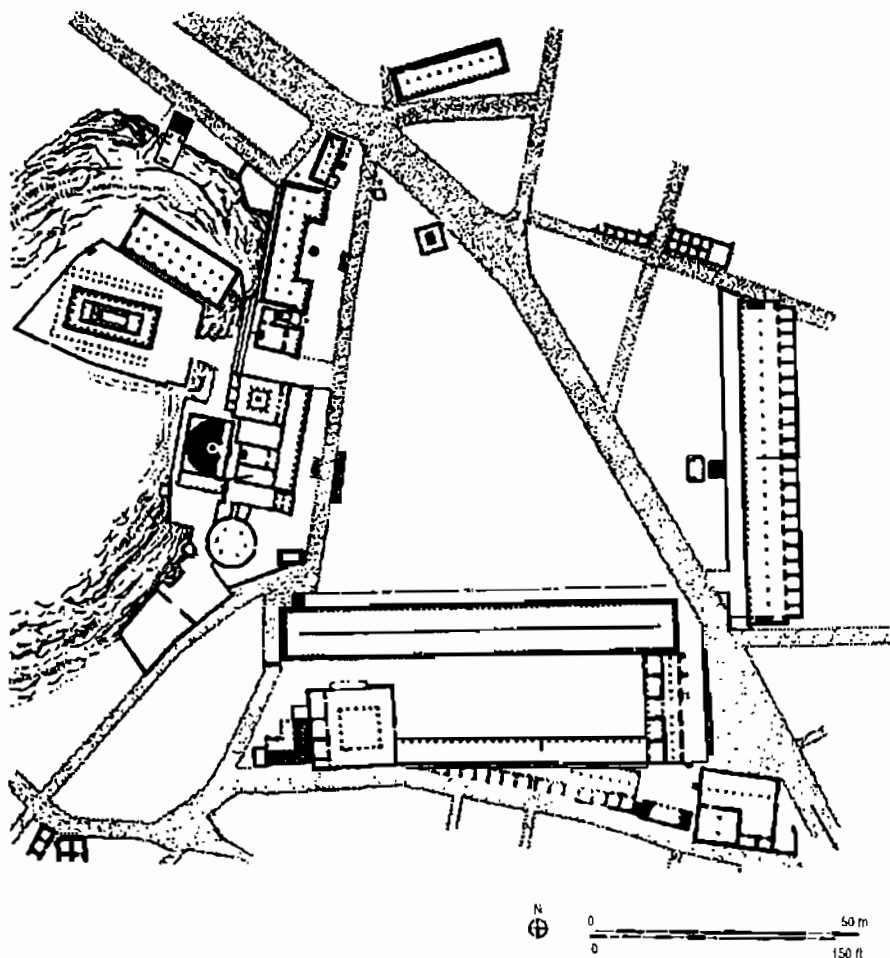
Hai loại quần thể kiến trúc công cộng phổ biến trong đô thị Hy Lạp cổ đại lúc bấy giờ là Agora (quảng trường công cộng, mang nhiều tính chất dân dụng) và Acropole (quần thể kiến trúc với nhiều đền đài, thường xây dựng trên những khu đồi cao).

Agora là trung tâm chính trị, hành chính thương mại của thành phố, bao gồm các quảng trường chợ, các cửa hàng và các nơi sinh hoạt văn hoá công cộng như sảnh hội họp (Ecclesiasteron), sảnh hội đồng (Buleuterion) và phòng hội đồng (Pritaneum).

Các agora quan trọng (có niên đại từ thế kỷ V tr. CN) có thể kể ra là agora ở Milet, ở Megalopone, ở Knid và các agora (thuộc Hy Lạp hậu kỳ) như ở Pergam, ở Assos. Diện tích các agora thường chiếm khoảng 5% diện tích đất thành phố.

Những agora thời kỳ đầu có hình dáng bất quy tắc bố cục tự do, từ cuối thế kỷ IV tr. CN trở đi bắt đầu có hình dáng hình học, được vây quanh bởi các hàng cột thức hai tầng, ở đây bày những sạp hàng buôn bán và phục vụ dịch vụ công cộng. Ở giữa mỗi agora có đặt bàn thờ và tượng thần.

Agora ở Assos (xây dựng vào thế kỷ thứ III tr. CN, nay thuộc Thổ Nhĩ Kỳ) là một ví dụ tiêu biểu cho một nền văn hoá dựa trên sự phát triển của kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp phát đạt, nó có dạng hình thang, hai cạnh dài có hành lang thoáng, ở một cạnh ngắn có đền thờ thần.



Mặt bằng quần thể kiến trúc công cộng Agora ở Athènes

Đối với các acropole, nguồn gốc chính của nó là những vệ thành đã nói ở trên, khi chúng tiếp tục phát triển vẫn dựa trên những thế đồi núi cao và bố trí thêm nhiều đền đài đặt theo hướng Đông - Tây. Các đền đài này gắn bó với khung cảnh thiên nhiên, tạo nên các điểm nhìn đẹp cho đô thị.

Các acropole và khu vực thấp xung quanh có lối đi lại phù hợp với tiến trình điều hành lễ hội. Vào thời kỳ cổ điển thịnh vượng, các acropole được xây dựng thêm các nhà hát ngoài trời có thêm dốc bậc ở các khu vực chân núi.

Những acropol nổi tiếng nhất là Acropole ở Athènes (thời kỳ cổ điển) và acropole ở Pergam (thời kỳ Hy Lạp hoá). Các acropole này có bố cục tự do, tìm đến sự thích hợp giữa các công trình kiến trúc của quần thể với thiên nhiên và địa hình. Các acropole Hy Lạp cổ đại là kết quả lao động của tầng lớp bình dân Hy Lạp cổ đại và cũng là sự phản ánh trung thực niềm vui cuộc sống, sự say mê lễ hội. Người Hy Lạp cổ đại đua nhau xây dựng các quần thể thánh địa cho mình càng to, càng đẹp hơn các địa phương khác còn để tỏ lòng hiếu khách, đón được nhiều khách hành hương

Bố cục theo kiểu tự do của các acropole có tiền thân là quần thể vừa mang tính chất thánh địa vừa mang tính chất dân dụng như Apollo ở Delphi. Quần thể này cũng nhấn mạnh vai trò chủ chốt của đền thờ, nhưng các công trình công cộng ở xung quanh và đường đi lối lại được quy hoạch rất tự nhiên, không gò bó mà phụ thuộc vào địa hình, tạo thành một toàn cảnh kiến trúc phong phú, biến hoá, tầng tầng lớp lớp.

Trong khi đó, đối với các thành bang chuyên chế và sản xuất nông nghiệp, các vệ thành vẫn mang tính chất cũ là căn cứ địa của tầng lớp quý tộc, như ở Italia và Sicile. Đây vẫn là nơi thâm nghiêm cùng cốc, không có một mối liên hệ nào giữa kiến trúc với nhân dân. Quần thể nặng nề, kiến trúc xếp hàng cứng nhắc, không quan tâm đến đặc điểm của địa hình và thiên nhiên. Hai acropole tiêu biểu nhất của các thành bang loại này là ở Selinut và Paestum. Về thời gian, acropole ở Paestum ra đời sớm hơn Acropole ở Athènes cho nên ta thấy sự diễn tiến của quá trình bình dân chủ hoá của kiến trúc là phù hợp với tiến trình lịch sử.

4.4. SỰ DIỄN TIẾN CỦA THỨC CỘT VÀ BA LOẠI THỨC CỘT DORIC, IONIC, CORINTH

Sự đổi mới quan trọng nhất của đền đài Hy Lạp cổ đại được ghi nhận vào thời điểm thế kỷ VI tr. CN, khi vật liệu gỗ được thay bằng vật liệu đá. Trước khi đền thờ Hy Lạp cổ đại được định hình bằng đá, trong một thời gian dài nó đã dùng kết cấu gỗ, cho nên dễ bị mục, mọt và dễ cháy. Những viên ngói bằng đất sét nung, có niên đại sử dụng và phát triển vào thế kỷ VII tr. CN, đã góp phần bảo vệ kết cấu gỗ bên dưới và làm cho mái đền thoải hơn.

Nguyên mẫu của kết cấu gỗ và mái làm bằng ngói gốm có bộ phận quan trọng nhất là bộ phận diềm mái (phần kết cấu mái giữa hàng cột chạy bên ngoài và phần tường chính của đền thờ). Ta có thể hình dung bộ phận diềm mái đó có các thành phần và cách cấu tạo như sau:

- Hàng cột chạy bên ngoài và bức tường gạch chạy bên trong.
- Trên hai cột ở vành ngoài được đặt lên dầm dọc
- Một hệ thống dầm ngang đặt lên tường và lên dầm dọc (thẳng góc với tường và với dầm dọc).
- Tường tiếp tục xây lên một độ cao nhất định để lợp mái nghiêng.

Kiến trúc đá sau này, về cơ bản tiếp tục sử dụng những hình thức đã ổn định của bộ phận diềm mái làm bằng gỗ - gạch - ngói gốm đã được làm qua nhiều đời như vậy. Dưới diềm mái và ở bộ phận sơn tường ngay về sau này vẫn dùng những tấm ốp và hình thức trang trí bằng gốm nung với nhiều loại hoa văn tráng lệ. Việc chuyển các bộ phận kiến trúc làm bằng gỗ sang làm bằng đá là một bước tiến đáng kể của nghệ thuật tạo dựng không gian kiến trúc lúc bấy giờ của Hy Lạp nói riêng và của nhân loại nói chung.

Cột đá được dùng vào kiến trúc đền đài trước tiên, ban đầu người ta đục cả khối đá dài làm cột, sau đó để tiện cho thi công và vận chuyển, cột được chia thành từng khúc tròn, giữa tiết diện có khắc để khi lắp dựng dùng nêm nêm chặt lại với nhau.

Theo thời gian, hầu hết các bộ phận khác của đền đài Hy Lạp đều được xây bằng đá. Ngay cả các bộ phận đá cần làm phù điêu vẫn có thể có cách làm màu sắc tươi tắn, rực rỡ. Để được như vậy người ta thực hiện những bước sau: trên mặt đá quét một lớp bột đá cẩm thạch, sau đó quét lên tiếp một lớp sáp nóng có pha màu sắc.

Đá được khẳng định là vật liệu xây dựng chính của đền đài Hy Lạp cổ đại, song cùng với kiểu dáng đền có hành lang cột bao quanh, cùng với sự phát triển của kết cấu cột, dầm, diềm mái... đã tạo nên bộ mặt truyền thống của kiến trúc đền đài. Đến thế kỷ VI tr. CN, kiểu cách xây dựng đã tương đối ổn định, kiểu cách này dựa trên một hệ thống cấu trúc gọi là thức cột: Order (tiếng Anh), Ordre (tiếng Pháp), Ordo (tiếng La tinh).

Thức cột là hệ thống tỷ lệ và hình thức trang trí cột, một trong những tìm tòi trí thức nhất của người Hy Lạp cổ đại nhằm đạt đến cái đẹp lý tưởng (hệ thống thức cột Hy Lạp sau này được người La Mã tiếp tục sử dụng và phát triển và còn được thế giới sử dụng cho đến tận thế kỷ XIX).

Những hàng cột thức Hy Lạp - với ba loại thức cột Doric, Ionic, Corinth - đã khẳng định phong cách kiến trúc Hy Lạp cổ đại. Thức cột mang đến cho kiến trúc một hình thức mới, một sức sống mới chịu đựng được sự thử thách của thời gian.

Ba loại thức cột trên đây có xuất xứ địa phương khác nhau, có hình thức đầu cột khác nhau, có tỷ lệ chiều cao khác nhau, có khoảng cách đặt cột khác nhau, đó là những đặc điểm để làm căn cứ phân biệt chúng với nhau.

Thức cột Doric ra đời sớm nhất, từ thế kỷ VII tr. CN. Thức cột Doric do người Doria sáng tạo ra, sau đó phát triển mạnh ở Peloponnèse, Nam Italia và Sicile, những thành bang này lúc đó làm nông nghiệp, triều cống quả thực cho quý tộc... và người thợ ở đây trong cảm hứng tự do sáng tạo có bị hạn chế hơn những khu vực khác của Hy Lạp cổ đại. Vì vậy, thức cột Doric toát lên vẻ mạnh mẽ, nghiêm túc và suy tư.

Thức cột Doric có cột đặt thẳng lên *bệ nhà* (stylobate) của đền, lần lượt từ chân cột lên đến mái có các thành phần sau đây:

- *Thân cột* (Fut) với 20 gờ đứng (Cannelure) làm cho cột nhấn mạnh được hướng thẳng đứng.

- *Đầu cột* (Sappitro) gồm một tấm vuông (Abaque) phía trên và một mũ đỡ (échine) cong lượn vào phía dưới.

Trên các đầu cột có *dầm ngang* (Architrave) chạy phía trên; những dầm này dùng để liên kết các đầu cột làm cho nhà trở thành một khung cứng, đồng thời dùng để đỡ một băng ngang (Frisic) bên trên rất giàu trang trí, được cấu tạo xen kẽ bởi những hình chữ nhật hơi nhô ra (triglyphes) có khắc vẽ lại những rãnh cột và những mảnh vuông lùi vào (Metope), những diện của metope này hoặc được trang trí phù điêu hết sức công phu hoặc để trơn đơn giản.

Tiếp đến bên trên là một diềm ngang đưa ra khỏi mặt đứng (Corniche) và phần diềm mái trên cùng hình tam giác đều (Fronton) với những hình điêu khắc lớn nổi tiếng miêu tả những chủ đề lịch sử.

Ngoài ngôi đền Doric ra đời sớm ở Paestum có cấu trúc nặng nề đã nói ở trên, những giai đoạn sau còn nhiều ngôi đền Doric nổi tiếng khác như đền Hephésteyon ở Athènes, đền Apollo Epikourios ở Arkadie, đền Apollo ở Delphi, đền Apollo ở Corinth, đền Heraion ở Olympia, đền Tholos (mặt bằng hình tròn) ở Epidaure, đền Parthénon ở Athènes. Ngoài ra còn có những ngôi đền Doric khác không kém phần nổi tiếng nhưng nay đã không còn mấy dấu vết như đền thờ thần Zeus ở Olympia (do Libon thiết kế, có niên đại xây dựng khoảng năm 460 tr. CN).

Những ngôi đền Doric ở khu vực Sicile trông đậm chắc, do ảnh hưởng của kiến trúc Ai Cập cổ đại và cũng do sự thích thú, thị hiếu thẩm mỹ riêng của tầng lớp quý tộc. Ví dụ như một ngôi đền ở Syracuse (nửa đầu thế kỷ VI tr. CN), diềm ngang của mái cao bằng 22% chiều cao cột, tỷ lệ đường kính cột trên chiều cao cột bằng 1 : 3,92 đến 1 : 3,96; khoảng cách thông thủy giữa các cột chỉ bằng 0,707 đường kính đáy cột. Ngôi đền Ségeste ở Sicile (thế kỷ V tr. CN) đỡ nặng nề hơn, nhưng chưa được xây dựng xong phần mái và các cột thậm chí còn không có rãnh khía.

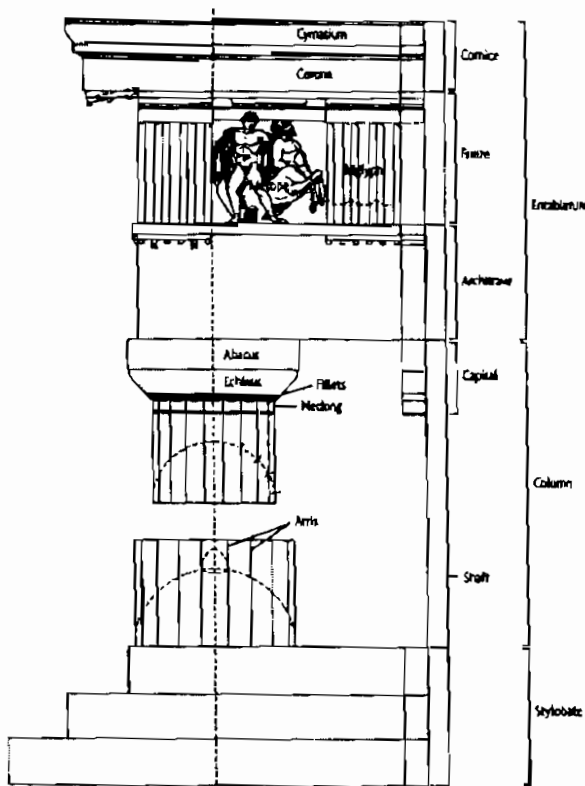
Những ngôi đền Doric có phong cách nhẹ nhàng hơn và có sự hài hòa hơn có thể thấy ở Péloponnèse, nơi tầng lớp bình dân đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội.

Nhìn chung, từ nửa sau thế kỷ VI tr. CN, khi cần vẻ đẹp nam tính cho đền đài, người Hy Lạp lại dùng thức Doric. Lúc bấy giờ tỷ lệ đường kính cột trên chiều cao cột là 1 : 5 đến 1 : 6.

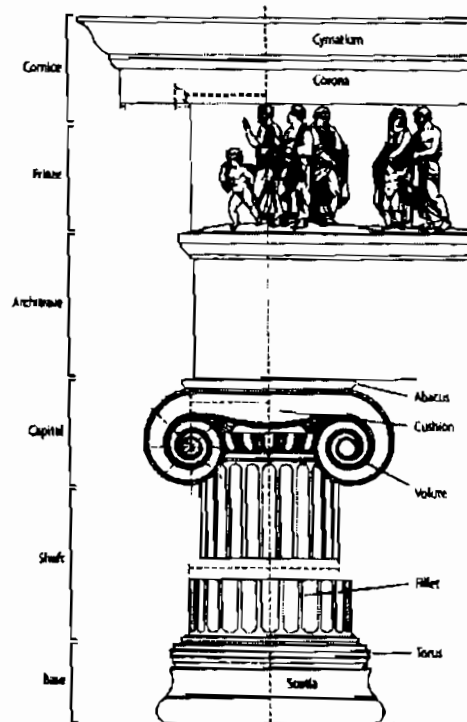
Loại thức cột quan trọng thứ hai là thức Ionic, mảnh dẻ và giàu tính trang trí hơn, nó mang dáng dấp thanh thoát và kiêu hãnh của nữ tính. Quê hương của thức Ioni là Ionia, thuộc địa của Hy Lạp, loại cột này về sau cũng rất phát triển ở Égéc. Ảnh hưởng của Trung Cận Đông làm cho người Hy Lạp di cư và người Hy Lạp chính gốc cảm thấy thức cột phải có đầu cột và phải có bệ cột.

Nếu ở vùng Ephes, Samos, vùng Đông Hy Lạp có những ngôi đền Ionic rất lớn thì vào thế kỷ V tr. CN, ở Athènes thức cột Ionic đã được dùng như một đối cực với thức cột Doric, và hình thức thức cột Ionic ở đây rất thích hợp với các đền đài quy mô nhỏ và vừa.

Trong khi cột Doric chỉ có 20 gờ sống đứng, cột Ionic có tới 24 gờ sống đứng, tỷ lệ đường kính cột trên chiều cao cột là 1 : 9.



Thức cột Doric



Thức cột Ionic

Thức cột Ionic có thêm *đế cột* (ba se) ở phía dưới và đầu cột có *hình đệm nhỏ* (coussinet) phía trên có những *hình xoắn ốc loe ra rồi cuộn vào* trong rất lịch lãm.

Các *dầm ngang* (architrave) của cột Ionic được pha mảnh ra làm ba dải bởi những phân vị nhẹ theo chiều ngang. Còn *băng ngang trang trí* (frise) là một tấm phù điêu liên tục mà không bị cắt đoạn thành các metope và các triglyphe như trong cột Doric.

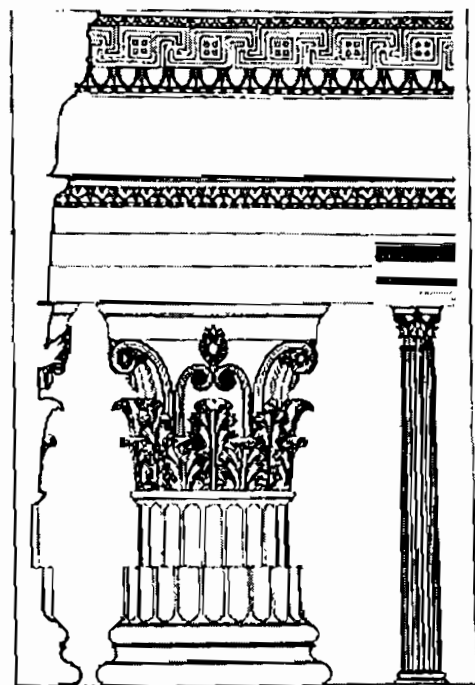
Trước khi đến phần trên cùng là *diềm mái hình tam giác* (fivonton), ở thức Ionic còn có một thanh mỏng hơi đưa ra khỏi mặt đứng có trang trí khác ren (còn gọi là denlicules).

Chúng ta thấy các ngôi đền Ionic quy mô lớn đều được xây dựng ở Ephes và ở Samos, Tiểu Á Tế Á (mặt bằng có kích thước lớn, chiều dài đền trên 100 mét, nhiều cao cột cao tới 18 mét), còn các ngôi đền Ionic tiêu biểu khác có thể kể ra là:

- Đền thờ trên đồi Ilissus, Athènes (năm 450 tr. CN).
- Đền thờ Apollo Epicure ở Bassae (năm 426 tr. CN).
- Đền Erecteyon ở Athènes.
- Đền Athena Polias ở Prienc (năm 335 tr. CN).



Đầu thức cột Ionic



Thức cột Corinth

Đền Artemis ở Ephes là một ngôi đền huyền thoại, ngôi đền được xây dựng vào khoảng năm 560 - 430 tr. CN, nay chỉ còn lại một ít dấu vết khảo cổ vì đền bị cháy vào năm 356 tr. CN, đúng vào đêm Alexandre Đại đế ra đời. Ngôi đền này được xem là một trong bảy kỳ quan của thế giới cổ đại, sau khi cháy được Alexandre Đại đế chỉ tiên xây dựng lại.

Thức cột Corinth ra đời muộn hơn hai loại thức cột trên, vào nửa sau thế kỷ V tr. CN, có đặc điểm đường nét mảnh mai, giàu trang trí, đầu cột rất hoa lệ, đó là một hình thức giống như một lẵng hoa kết hợp bằng mấy tầng lá phiên thảo diệp (acanthé).

Thức cột Corinth do kiến trúc sư Callimachus sáng tạo ra, loại thức cột này có hiệu quả trang trí nhiều hơn là hiệu quả cấu trúc; tuy vậy, trong khi cột Ionic chỉ được nhìn thấy từ phía trước, cột Corinth lại có thể được thụ cảm trong không gian, đối xứng nhiều chiều, đặc biệt là đối với các cột biên.

Ví dụ sớm nhất của kiến trúc cột Corinth là đền Apollo ở Bassae (thế kỷ V tr. CN), nay dấu vết còn lại chỉ là một cây cột, còn ví dụ tiêu biểu nhất về đền thờ có thức Corinth là đền Olympeion ở Athènes, thờ thần Zeus (thế kỷ II tr. CN), có quy mô lớn 104 cột (nay chỉ còn lại 15 cột).

Đền đài Hy Lạp làm theo thức cột Corinth không nhiều lắm, nhưng về sau được người La Mã cổ đại tiếp tục hoàn thiện và sử dụng rất nhiều, vì hợp với khẩu vị hoàng gia của tầng lớp thống trị.

Về mặt mỹ học, các loại thức cột đã được sáng tác và hoàn thiện theo nguyên tắc tôn trọng "cái đẹp của con người" và "sự hài hòa của toán học".

Thế giới quan cá nhân chủ nghĩa của tầng lớp bình dân đã ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển của thức cột; quan điểm thẩm mỹ của thế giới quan này là: "thân thể của con người là đẹp nhất trong mọi sự vật". Phidias nhà điêu khắc vĩ đại nhất thời Hy Lạp cổ đại đã nói: "không có cái gì hoàn thiện hơn hình thể của con người, cho nên chúng ta đem hình thể của con người gửi gắm cho thần linh của chúng ta".

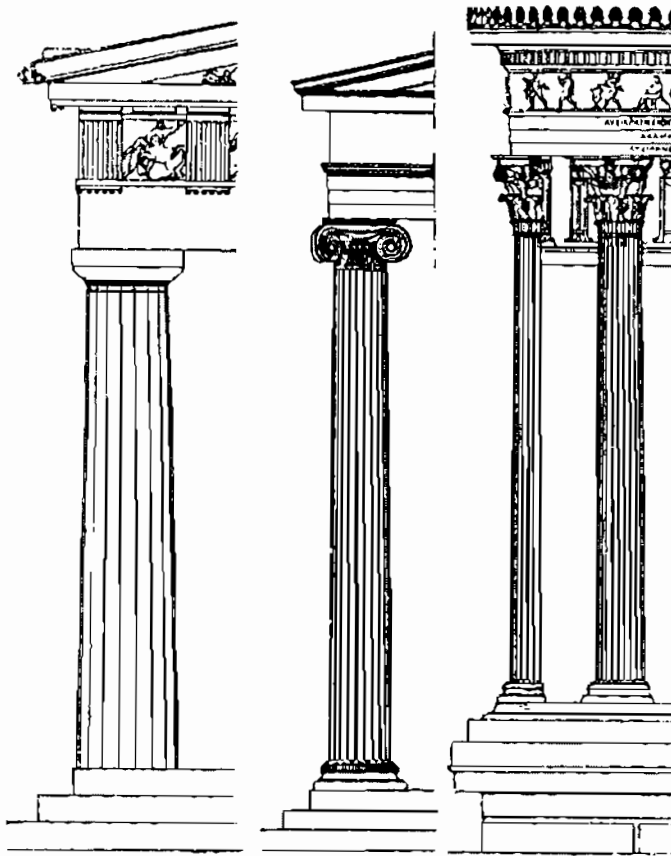
Kiến trúc sư Polio Vitruvius, nhà lý luận kiến trúc số một thời La Mã cổ đại (nửa sau của thế kỷ I tr. CN) đã trích dẫn ý một câu chuyện Hy Lạp cổ nói rằng: "thức cột Doric mô phỏng thân thể nam giới, thức cột Ionic mô phỏng thân thể nữ giới" ("Mười quyển sách kiến trúc", mục 4, Chương 1).

Trong thực tế nghệ thuật Hy Lạp cổ đại, quả thực đã có những bức tượng nam giới đỡ đầu cột Doric, những bức tượng nữ giới đỡ đầu cột Ionic, quan niệm của cái đẹp nam, nữ về sau được tiếp tục gắn vào các loại đầu cột và thân cột trong kiến trúc.

Đối với việc đưa toán học vào kiến trúc, vào các loại thức cột, người Hy Lạp rất có ý thức. Như vậy, ảnh hưởng của khoa học tự nhiên và tư duy lý tính kèm theo nó đã bắt rễ vào quan niệm mỹ học Hy Lạp cổ đại.

Ví dụ trong thức cột Doric ở đền thờ thần Zeus ở Olympia (468 - 460 tr. CN), nếu ta lấy chiều ngang của metope là 1 đơn vị, thì chiều ngang của triflyge sẽ là 1,5 đơn vị, đường kính đáy cột sẽ bằng 2,5 đơn vị, cột cao 10 đơn vị, khoảng cách tâm đến tâm cột là 5 đơn vị (với cột biên bằng 4,5), độ cao sơn tường bằng 4, mặt nền nhà dài 61, rộng 26 đơn vị... tất cả đều bằng bội số của nhau.

Mối quan hệ số học như vậy không mâu thuẫn với việc mô phỏng hình dáng thân thể con người. Pithagore cho rằng cái đẹp của con người cũng thống nhất với nguyên tắc hài hòa của số học. Nếu một khách thể nào đó hòa đồng được với kích thước con người thì khách thể đó cũng đẹp. Thức cột về mặt quan hệ số lượng cũng tồn tại sự liên quan đến kích thước con người. Vitruvius nhắc lại quan điểm của người Hy Lạp như sau: "Kiến trúc... cần phải tuân theo kiểu dáng của các bộ phận nhân thể để chế định ra những tỷ lệ chặt chẽ" ("Mười quyển sách kiến trúc", Phần 2, Chương 1).



Ba loại thức cột Hy Lạp Doric, Ionic, Corinth

Trong quá trình phát triển, phong cách kiến trúc của thức cột ngày một hoàn thiện và sự thành thực của phong cách đã đúc kết thành tính độc đáo, tính nhất quán và tính ổn định. Đặc biệt thể hiện trong thức cột Doric, Ionic và thức cột Corinth. Ví dụ như ở

cột Doric, tỷ lệ khi đã thuần thực của đường kính cột so với chiều cao là 1:5, 1:5,5, 1:5,75, 1:6; khoảng cách thông thủy giữa các cột bằng $1,2 \div 1,5$ đường kính cột; trong khi với cột Ionic, độ thanh mảnh là 1:9 và 1:10, khoảng cách thông thủy giữa các cột bằng hai lần đường kính đáy cột. Tỷ lệ phần diềm ngang của mái với chiều cao cột Doric bằng 1:3, với cột Ionic bằng 1 : 4. Trang trí của thức Doric dùng phù điêu khắc sâu, nhấn mạnh tính thể khối, còn trang trí của thức Ionic dùng phù điêu mỏng, nhấn mạnh đường nét đồ họa.

Tuy các quy định về kiểu thức cột tương đối nghiêm khắc, nhưng các loại thức, nhất là thức Ionic, tính thích ứng với các loại hình kiến trúc rất cao, phù hợp không những với đền đài, mà còn với các công trình kiến trúc công cộng khác, với nhà ở, các công trình kỷ niệm...

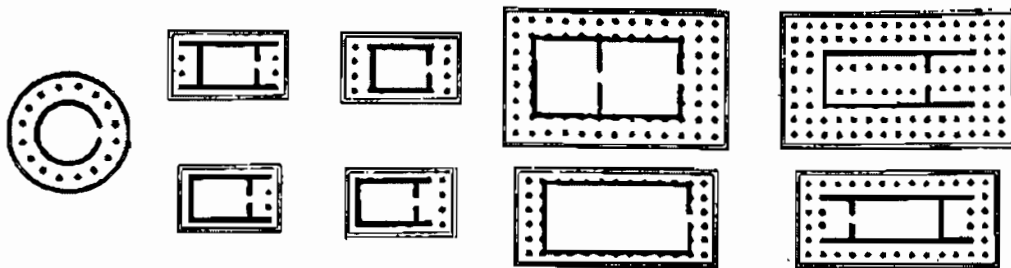
Thức cột là sáng tạo vĩ đại của nhân dân Hy Lạp cổ đại, nó thể hiện đầu óc thẩm mỹ tinh tế và nghị lực phi thường của các kiến trúc sư cũng như tầng lớp bình dân Hy Lạp cổ đại từ đời này sang đời khác. Thành tựu này còn được áp dụng trong kiến trúc suốt thời Trung Đại, văn nghệ Phục hưng, chủ nghĩa Cổ điển, đến tận đầu thế kỷ XX mới chấm dứt.

4.5. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐỀN ĐÀI HY LẠP CỔ ĐẠI

Trước khi nghiên cứu diễn tiến của quá trình phát triển đền đài Hy Lạp, chúng ta nên tiến hành phân loại các loại hình đền thờ Hy Lạp cổ đại từ kiểu bố trí mặt bằng.

Đền thờ Hy Lạp cổ đại khác với đền thờ Ai Cập cổ đại: trong khi ở Ai Cập các cột bố trí ở trong nội thất để đỡ mái đền, thì các đền thờ Hy Lạp lại có cột chạy vòng ở phía bên ngoài.

Các loại hình đền đài Hy Lạp cổ đại phân biệt theo mức độ phức tạp của cách thiết kế cột chạy viền xung quanh nhà như sau:



1) Loại đền cổ nhất có dạng hình chữ nhật kích thước nhỏ, lối vào chính ở cạnh ngắn, có hai cái cột ở cạnh ngắn này, gọi là đền *Distyle* (ví dụ như ngôi đền thờ thần Themis ở Rhamnus).

2) Loại đền cổ có dạng hình chữ nhật, có hai cột ở cạnh ngắn phía trước và hai cột ở cạnh ngắn phía sau, gọi là đền *Distyle ở hai cạnh* (ví dụ đền thờ Artemis ở Eleusis).

3) Loại đền hình chữ nhật, có bốn cột ở phía trước cạnh ngắn gọi là đền *Prostyle* (ví dụ đền ở Selinus).

4) Loại đền hình chữ nhật, có bốn cột ở cạnh ngắn phía trước, bốn cột ở cạnh ngắn phía sau, gọi là đền *Amphi - Prostyle*.

5) Loại đền hình tròn, vành ngoài có hàng cột vòng quanh gọi là *Tholos* (ví dụ Tholos ở Epidaure).

6) Loại đền hình chữ nhật có tường chịu lực là chính, nhưng mặt ngoài tường ghép thêm các cột, gọi là loại đền có cột giả, hay là đền *Pseudo - Peripteral* (ví dụ như đền thờ thần Zeus ở Olympia).

7) Loại đền hình chữ nhật có một hàng cột chạy ở vòng ngoài chu vi công trình, có tên là đền *Peripteral* (ví dụ như đền Theseion ở Athènes, đền ở Paestum và đền Parthénon ở Athènes).

8) Loại đền hình chữ nhật, có hai hàng cột chạy bao xung quanh công trình, có tên gọi là đền *Dipteral* (ví dụ như đền Olympeion ở Athènes và đền thờ Apollo ở Milet).

Đền đài của Hy Lạp tồn tại và phát triển xuất phát từ việc phục vụ tôn giáo, đó là những ngôi nhà của tinh thần. Điều mà các kiến trúc sư Hy Lạp quan tâm là tìm tòi một hình thức đúng đắn cho những ngôi đền thờ và theo dòng thời gian, các chế định, các quy cách xây dựng đền thờ Hy Lạp cổ đại được hoàn thiện dần.

Những đền đài Hy Lạp là những vật thể có hình thức thuần khiết, được làm nên để hiến dâng cho thần. Người Hy Lạp thờ rất nhiều thần, ví dụ như các thần sau đây: Thần Zeus (thần tối cao, thần của các vị thần); Thần Hera (vợ của thần Zeus). Thần Apollo (con của thần Zeus, cũng là thần Mặt Trời, thần ca hát và âm nhạc, người sáng tạo ra các thành phố); Thần Heracles (thần của sức mạnh và quyền lực); Thần Athena (nữ thần của sức mạnh, hoà bình và thịnh vượng); Thần Poseidon (thần Biển); Thần Dionysos (thần Rượu vang); Thần Demeter (nữ thần Đất và Trồng trọt); Thần Artemis (nữ thần Sơn bản); Thần Aphrodite (nữ thần tình yêu và Sắc đẹp); Thần Nike (nữ thần Thắng lợi)...

Người Hy Lạp coi vẻ đẹp là biểu hiện của thần, cho nên nhiệm vụ của kiến trúc là phải làm cho đền đài ngày một đẹp hơn.

Vào buổi ban sơ, đền đài chỉ là một gian thờ, có nguồn gốc từ sảnh chính của ngôi nhà quý tộc, lấy cạnh ngắn của hình chữ nhật làm mặt chính, sau đó sử dụng ngói bằng gốm, tạo thành hai mái dốc. Mặt bằng ngôi đền là hình chữ nhật quy chỉnh, trên mặt chính có hình tam giác, tên chuyên môn gọi là *son tường*.



Đền thờ Hera ở Paestum

Ngôi đền này đứng độc lập, bao quanh nó là các nhà ở của quý tộc. Nhưng dần dần, ở những khu thánh địa thờ những thần tự nhiên, đền đài trở thành những công trình công cộng mang tính chất kỷ niệm, không còn bị sự gò ép của các nhà ở quý tộc nữa, nó tồn tại độc lập trên những khu đất cao ráo, mở rộng tầm nhận ra bốn phía.

Những ngôi đền tiền kỳ này vì còn dùng vì kèo gỗ và tường đất nung, cho nên để bảo vệ mặt tường, con người làm thêm hành lang cột. Các hoạt động tôn giáo và lễ hội tiến hành ngoài trời đền đài chiếm vị trí trung tâm của mọi hoạt động, cho nên hình thức bên ngoài của kiến trúc đền rất được quan tâm. Trong quá trình phát triển lâu dài của kiến trúc đền đài, con người Hy Lạp cổ đại đã nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của hệ thống hành lang cột vây bốn xung quanh, đó là một gạch nối giữa kiến trúc và thiên nhiên, tạo nên sự biến hoá của bóng đổ và sự tương phản đặc rõng, tránh được cảm giác khô khan trước đây thường có khi bên ngoài kiến trúc chỉ là tường đặc. Như vậy, sự

sống động của hình thức kiến trúc đền đài do hành lang cột vây quanh nhà vừa đáp ứng nhu cầu tôn giáo vừa đáp ứng yêu cầu thể tục.

Đền đài Hy Lạp có thể xây dựng đơn độc, cũng có thể đặt thành từng cụm và dãy trên những khu vực đồi cao của thành phố như những quần thể đền đài ở Delphi, Olympia, Delos, Athènes, Priene... Đền đài trở thành vật trang trí chủ yếu cho thành phố, kể cả ở những thành bang khác như Sparta.

Một trong những ngôi đền thờ Hy Lạp xây dựng bằng đá nổi tiếng còn lại có niên đại sớm nhất là ngôi đền thờ Poseidon ở Paestum, được xây dựng vào thế kỷ VI tr. CN. Ngôi đền này thuộc kiến trúc Hy Lạp tiền kỳ nên phong cách còn nặng nề mà chưa có được vẻ nhẹ nhàng, thanh thoát của kiến trúc đền đài Hy Lạp giai đoạn sau này.

Đền thờ Hy Lạp có tỷ lệ, có mối tương quan thích hợp với kích thước con người và tuân theo các quy luật toán học một cách chặt chẽ.

Đền đài Hy Lạp ở những khu vực phía Đông như khu vực Tiểu Á Tế Á, có những thành bang theo chế độ cộng hoà, được thiết kế hết sức hoa lệ đẹp đẽ, có diện mạo rất cởi mở, và nhiều khi có tới hai hàng cột bao quanh. Quy mô đền đài ở khu vực kinh tế phồn thịnh này rất to lớn, ví dụ như hai ngôi đền sau đây:

- Ngôi đền thờ Artemis ở Ephes, có kích thước 55,50 × 109,2 mét.
- Ngôi đền thờ Hera ở Samos, có kích thước 54,58 × 110,5 mét.

Những ngôi đền Hy Lạp thời kỳ đầu có kích thước mảnh và dài, vì kết cấu chưa vượt được nhịp lớn, sau đó một hàng cột giữa được thêm vào nên chiều rộng có tăng lên chút ít. Tuy vậy, phải từ thế kỷ VI tr. CN trở đi, nội thất có hai hàng cột mới xuất hiện thêm không gian trung tâm, làm chỗ để đặt tượng thờ

Từ thế kỷ V tr. CN trở đi, đền đài phổ biến nhất là kiểu 6 × 13 cột với tỷ lệ chiều dài trên chiều rộng là 2:1 (ví dụ như đền thờ thần Zeus ở Olympia, niên đại xây dựng năm 470 tr. CN).

Mặt bằng lênh chữ nhật của đền thờ Hy Lạp cổ đại được tạo thành bởi ba thành phần chính: Pronaos (tiền sảnh), Naos (gian thờ), Parthénon (phòng để châu báu); trong một số đền có thành phần thứ tư là hậu sảnh (Opisthodomos).

Vẻ tráng lệ của đền đài Hy Lạp cổ đại gắn liền với sự ra đời và phát triển của các loại thức cột (Order).

4.6. ACROPOLE Ở ATHÈNES

Vào thế kỷ V tr. CN, ở một số thành bang, Hy Lạp có nền công thương nghiệp phát triển từ trong tầng lớp bình dân một số chủ nô lệ công thương. Ở những thành bang này, phương thức sản xuất tiên tiến hơn những thành bang do chủ nô quý tộc làm chủ, tầng

lớp tiểu nông và tiểu thủ công nghiệp do có quyền lợi chính trị nhiều hơn, nên đã tạo đà cho kinh tế và kèm theo đó là nền văn hoá - kiến trúc phát triển.

Thành bang Athènes lúc đó đóng vai trò lãnh đạo toàn bộ Hy Lạp, đã đạt đến sự phát triển đỉnh cao về mọi mặt, trong đó có kiến trúc. Vai trò đứng đầu Đại Hy Lạp của Athènes được thực hiện do những lý do và điều kiện sau đây:

- Vị trí của Athènes thuận lợi cho phát triển công nghiệp, thương nghiệp và hàng hải, do Athènes ở vào điểm giao cắt của những tuyến đường bộ và đường biển của cả một vùng rộng lớn.

- Athènes sau khi đánh bại quân Ba Tư đã trở thành thành bang chủ chốt. Lãnh đạo các thành bang khác, trở thành trung tâm kinh tế văn hóa của khu vực, có chính sách chiêu mộ các thợ giỏi và các thành phần trí thức có năng lực của toàn Hy Lạp, khiến cho bản thân nó trở thành trung tâm giao hòa kiến trúc Doric và Ionic.

- Ở Athènes, chế độ thị tộc kém phát triển, người dân tự do và có ý thức trong chiến tranh và bảo vệ đất nước sau khi hòa bình.

Athènes đã tiến hành xây dựng đại quy mô, để tạo vẻ đẹp cho Athènes các nhà lãnh đạo thành bang đã có những chính sách khuyến khích các loại thị dân các ngành đầu tư công sức cho kiến thiết đồng thời quy định số nô lệ lao động trên các công trường không được vượt quá 25% tổng số người tham gia xây dựng.

Các loại hình kiến trúc ở Athènes đa dạng, phong phú và có nhiều loại mà trước đây chưa từng xuất hiện: đó là các viện nguyên lão, sảnh nghị sự, nhà hát, câu lạc bộ, phòng triển lãm tranh, thư quán, thương trường, xưởng thợ, bến tàu, sân bãi thi đấu thể dục thể thao...

Đô thị Athènes, do địa hình phức tạp, có quy hoạch mạng lưới đường tự do (ở các nước thuộc địa, người Hy Lạp xây dựng thành phố theo kiểu mạng lưới đường hình học, ô cờ, gọi là hệ thống Gridion).

Tuy vậy, trọng tâm xây dựng của Athènes là Acropole (vệ thành) - quần thể thánh địa tôn giáo lớn nhất Hy Lạp, đồng thời cũng là quần thể ca ngợi thắng lợi vĩ đại của nhân dân Athènes trong chiến tranh, nơi hội tụ và ca ngợi cái đẹp của thành bang.

Những đối tượng đáng nghiên cứu ở đây bao gồm Acropole ở Athènes, các đền thờ và các công trình liên quan quan trọng ở trên Acropole như đền Parthénon, đền Erechtyon, Sơn môn Propilée và đền thờ Athènes Nike.

+ Acropole Athènes

Acropole ở Athènes, được xây dựng trong khoảng 50 năm, vào nửa sau của thế kỷ V tr. CN, "thời đại vàng" của Hy Lạp cổ đại. Sau khi chiến thắng quân Ba Tư, Athènes mất

đi tính chất quân sự, chỉ còn mang tính chất kỷ niệm văn hoá và chính trị. Biểu tượng của chế độ dân chủ nó - chủ Athènes chính là quần thể Acropole ở Athènes (với chữ A viết hoa, khác với acropole ở các thanh bang khác).

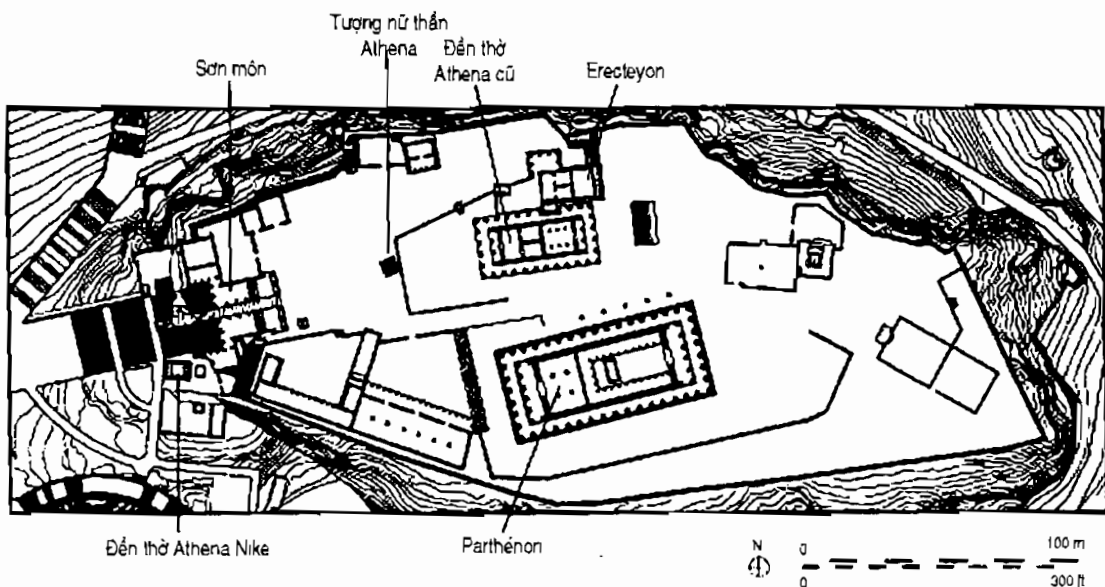
Acropole được xây dựng một cách hùng vĩ xứng đáng là tấm bia kỷ niệm đánh dấu một giai đoạn lịch sử quan trọng. Nghệ thuật Hy Lạp tiền kỳ với những kinh nghiệm bổ ích cùng với cơ sở vật chất giàu mạnh sau chiến tranh đã góp phần tạo dựng quần thể này một cách thuận lợi. Acropole ở Athènes là kết quả của 50 năm phồn vinh về kinh tế chính trị, văn hóa của thời đại cổ điển thịnh kỳ của Hy Lạp.

Để có được 50 năm xây dựng rực rỡ này, trong đó có thời đại hoàng kim tột đỉnh với 16 năm chấp chính (443 - 429 tr. CN) của Pericles, trước đó người Hy Lạp đã phải bỏ ra 50 năm để đánh nhau với người Ba Tư, lập nên những chiến tích lớn lao ở Marathon, ở Termopiles, cũng như ở trận thủy chiến nhằm dành lấy thắng lợi quyết định cuối cùng ở ngoài khơi Athènes.

Được đặt trên một khu vực khá bằng phẳng trên đỉnh núi đá cao nằm giữa thành phố, Acropole ở Athènes có kích thước dài 300 mét từ Đông sang Tây, rộng 130 mét từ Bắc xuống Nam, cao 70 mét.

Acropole ở Athènes là biểu tượng của linh thần Hy Lạp cổ đại, là bài thơ ca ngợi sự vui mừng chiến thắng của quần chúng bình dân Hy Lạp cổ đại.

Trên Acropole có ba đền thờ, đều dành để thờ thần Athena, Nữ thần bảo vệ thành phố. Đó là đền Parthénon, đền Erecteyon và đền Athena Nike. Khu vực thánh địa này còn một khu vực cửa lên có tên là Propilée (hay Sơn môn).



Mặt bằng quần thể Acropole ở Athènes



Quần thể Acropole ở Athènes

Thời đó, vào những dịp hội hè hàng năm, (mỗi năm tổ chức một lần và cứ bốn năm lại tiến hành đại lễ), quần chúng thường tụ họp ở một quảng trường thành phố phía Tây Bắc Acropole, diễu hành về phía Đông, trên đường đi họ có thể chiêm ngưỡng đền Erechteyon và khi vòng xuống phía Nam thì đền Parthénon đột ngột xuất hiện ở trên cao. Sau khi đi gần một vòng trở lại phía Tây, qua nhiều bậc lên và qua cửa Sơn môn Propilée, lúc bấy giờ nội dung chính của nhóm công trình mới được mở ra một cách toàn diện ngay trước mắt mọi người, với tượng đồng Nữ thần Athena, đền Parthénon và đền Erechteyon. Tất nhiên, trước đó, từ dưới chân núi, mọi người đã được quan sát Sơn môn và ngay phía bên phải là ngôi đền nhỏ Athena Nike đặt cheo leo trên núi đá.

Quần thể kiến trúc Acropole với các đơn thể của nó, khi thiết kế đã được tính tới một lưu tuyến của dòng người lễ hội sao cho hợp lý đối với việc thụ cảm các hình thức kiến trúc.

2500 năm đã trôi qua kể từ ngày xây dựng, quần thể Acropole với những di tích còn lại đến ngày nay, đã chịu được sự thử thách của thời gian bao gồm cả mặt giá trị tinh thần của nó. Hình ảnh và âm thanh của lễ hội ngày xưa vẫn còn khắc sâu trong tâm trí nhân loại cho đến tận bây giờ. Khi nghiên cứu các tác phẩm kiến trúc trên đồi Acropole ở Athènes, chúng ta nên đi theo trình tự triển khai lưu tuyến của dòng người khi tham gia lễ hội, bắt đầu từ Sơn môn Apopilée, đền Athena Nike, tiếp đến là đền Parthénon rồi đến Erechteyon.

+ Sơn môn (Propylées) - Cửa lên của Acropole

Sơn môn (Propylées) là cửa ngõ của khu vực thánh địa Acropole, được xây dựng vào những năm 437 - 432 tr. CN tác giả là kiến trúc sư Mnesicles. Vì địa hình ở đây phức tạp, phía Tây thấp hơn phía Đông 1,43 mét cho nên khối cửa chính thiết kế chênh nhau

cốt nền và cốt mái, phân cửa chính trước và sau của công trình có sáu cột Doric, ở đây nhịp giữa lớn hơn nhịp biên, phía trên có sơn tường hình tam giác, các cột bên trong nội thất dùng thức Ionic. Cánh Bắc của Sơn môn (sảnh trái) là một phòng trưng bày tranh, cánh Nam (sảnh phải) là một hành lang cột.

Sáu cột Doric ở phía Tây cao 8,81 mét, sáu cột Doric ở phía Đông cao 8,53 - 8,57 mét, đường kính đáy đều bằng 1,56 mét, tỷ lệ giữa đường kính cột với chiều cao bằng 1:5,5, băng ngang diềm mái bằng 1:3,12 chiều cao cột.

Sở dĩ nhịp giữa lớn hơn các nhịp biên là để các xe cộ mang đồ tế lễ có thể vượt qua. Khoảng cách tâm cột đến tâm cột của nhịp giữa này khoảng 5,43 mét (thông thủy 3,85 mét), dầm ngang bên trên nặng 11 tấn.

Với cách xử lý như vậy, phong cách của Sơn môn thoát khỏi vẻ nặng nề thường có đối với kiến trúc Doric. Cột Ionic trong nội thất cao 10,25 mét, rất phù hợp với vị trí bên trong. Việc kết hợp sử dụng hai loại thức cột Doric và Ionic như vậy, lần đầu tiên được thấy với các kiến trúc ở Athènes.

+ Đền Athena Nike (thờ thần Thắng lợi)

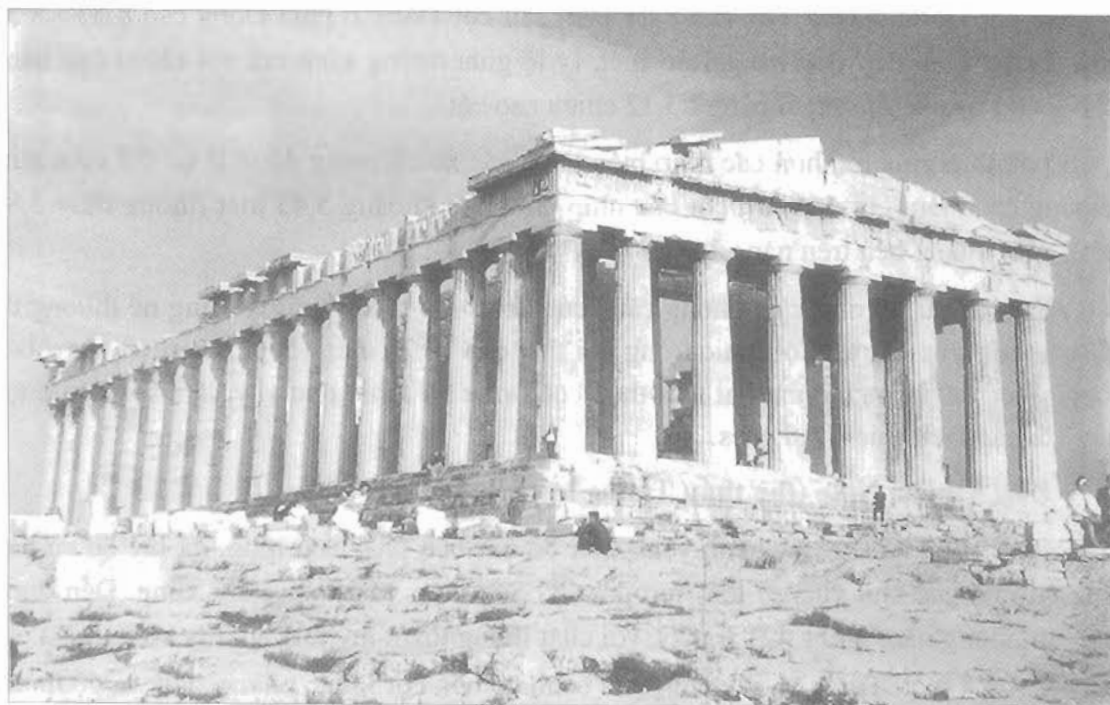
Đền Athena Nike, đặt chênh vênh trên bờ núi bên phải Sơn môn, đã lấy lại sự cân bằng cho bố cục khu vực lối lên Acropole, vì Sơn môn vốn không đối xứng. Đền được xây vào những năm 449 - 421 tr. CN, với chất lượng thẩm mỹ rất cao, tuy kích thước chỉ nhỏ $8,2 \times 5,4$ mét. Trước và sau đền, mỗi cạnh có bốn cột Ionic, nhưng tỷ lệ và độ mảnh khá lớn (1:7,68) để hài hòa với mặt tiền có cột Doric của Sơn môn. Trên diềm mái của đền Athena Nike có một băng ngang điêu khắc chạy vòng quanh bốn phía (tổng độ dài 26 mét, cao 43 cm) và trên lan can tường bao cao 1 mét chạy quanh đền cũng có một băng phù điêu khác, chủ đề của hai băng trang trí này là ca ngợi chiến thắng, chống xâm lăng. Tác giả của ngôi đền Athena Nike là kiến trúc sư Callicrates.

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, ở khu vực này, các nhà khảo cổ đã tìm thấy một tấm đá cẩm thạch có điêu khắc nổi mà mọi người cho rằng đó chính là một bộ phận của dây lan can nổi tiếng của ngôi đền này. Nữ thần Nike không cánh (để thắng lợi khỏi bay đi mất) này tuy không còn đầy đủ như nguyên tác nhưng vẫn bộc lộ rõ vẻ trác tuyệt của một kiệt phẩm như một con người tràn ngập sức khoẻ đang vận động linh hoạt, với những lượt xiêm y mỏng manh nổi rõ những nếp gợn lăn tăn như sóng nước.

+ Đền Parthénon

Đền Parthénon là công trình kiến trúc chủ chốt ở trên Acropole. Khi bước qua cửa Propylées, con người bỗng thấy trải ra trước mắt mình một khung cảnh cân bằng không đối xứng được tạo thành bởi ba đơn thể: tượng thần Athena cao vòi vọi, hơi chếch phía bên phải là đền Parthénon trang trọng và chếch phía bên trái là đền Erechtyon duyên dáng. Tâm vóc kiến trúc của mỗi ngôi đền ở đây đều phù hợp với tỷ lệ con người.

Đền Parthénon được xây dựng vào những năm 447 - 432 tr. CN để mừng thắng lợi của quân dân Athènes đánh thắng quân Ba Tư. Đó là một ngôi đền Doric có kích thước $30,9 \times 69,5$ mét, với hai mặt chính mỗi mặt có tám cột và hai mặt bên mỗi mặt có 17 cột.



Phối cảnh Đền Parthénon

Trên mặt bằng, Parthénon được chia làm bốn thành phần: Pronaos (tiền sảnh), Naos (gian thờ có chỗ để tượng nữ thần Athena), Parthénon (chỗ để châu báu) và Opisthodomos (hậu sảnh). Bên trong nội thất ở phòng châu báu có bốn cột Ionic. Như vậy, bên cạnh tính chất trang nghiêm do dùng cột Doric chạy vòng quanh đền, còn có tính chất phóng khoáng của cột Ionic ở bên trong nội thất.

Hai kiến trúc sư chính của Parthénon là Ictinos và Callicrates, phần điêu khắc do Phidias đảm nhiệm. Ictinos và Callicrates đã có nhiều kinh nghiệm xây dựng riêng trước khi bắt tay vào thiết kế Parthénon.

Ictinos đã từng xây dựng đền Apollo ở Bassae trên núi Peloponnèse và xây dựng công trình Telesterion ở Eleusis. Trong khi đó, Callicrates là tác giả của bức tường thành kép, ở giữa có con đường quân sự nối liền Athènes với Pirée và là tác giả của ngôi đền Apollo ở Delos.

Parthénon có một vẻ nhẹ nhàng, gần gũi, có sắc thái dung dị, tuy là một ngôi đền nhưng nó không bị thần thánh hóa, ở đây con người không cảm thấy mình vô nghĩa như ở trong đền đài Hy Lạp.



Mặt đứng Đền Parthénon

Tỷ lệ hài hòa ở đền Parthénon thể hiện ở một số đặc điểm thông số: diềm mái mảnh mai, cao 3,29 mét, tỷ lệ diềm mái trên chiều cao cột bằng 1 : 3,17; khoảng cách thông thủy giữa hai cột tương đối lớn bằng 2,4 mét trên mặt chính, lớn khoảng 1,26 lần đường kính cột, cột có độ mảnh lớn bằng 1 : 5,48, đầu cột trong có sức mạnh với độ vát gần bằng 45 độ. Cột biên được xử lý tinh tế để cho kiến trúc thêm trang trọng, đường kính cột biên lớn hơn cột giữa bằng 1,944 mét, khoảng cách thông thủy giữa cột biên với cột tiếp giáp với nó cũng nhỏ hơn bằng 1,78 mét.



Điểm nhìn tổng thể Đền Parthénon



Mặt đứng Đền Parthénon

Tỷ lệ hài hòa ở đền Parthénon thể hiện ở một số đặc điểm thông số: diềm mái mảnh mai, cao 3,29 mét, tỷ lệ diềm mái trên chiều cao cột bằng 1 : 3,17; khoảng cách thông thủy giữa hai cột tương đối lớn bằng 2,4 mét trên mặt chính, lớn khoảng 1,26 lần đường kính cột, cột có độ mảnh lớn bằng 1 : 5,48, đầu cột trong có sức mạnh với độ vát gần bằng 45 độ. Cột biên được xử lý tinh tế để cho kiến trúc thêm trang trọng, đường kính cột biên lớn hơn cột giữa bằng 1,944 mét, khoảng cách thông thủy giữa cột biên với cột tiếp giáp với nó cũng nhỏ hơn bằng 1,78 mét.



Điểm nhìn tổng thể Đền Parthénon

Diềm trên của diềm mái hơi cao vồng lên thành đường cong, với mặt chính vồng lên 7 cm, với mặt bên dài hơn vồng lên 11 cm, trông không gian diềm mái sẽ phẳng, đó chính là việc người Hy Lạp cổ đại biết điều chỉnh độ vi sai khi thụ cảm một đối tượng kiến trúc.

Ngôi đền còn nổi tiếng ở phòng điêu khắc, do nhà điêu khắc nổi tiếng của thế giới Hy Lạp Phidias thực hiện. Theo thống kê, phù điêu và điêu khắc của Pathénon bao gồm 92 cái metope, 200 mét frise và hai bức sơn tường rất lớn ở hai mặt chính của đền.

Sáng tạo ra cái đẹp tiêu chuẩn, ca ngợi con người với vẻ đẹp thống nhất giữa thể chất và tinh thần, đó chính là thành công của Phidias. Bức sơn tường tam giác phía Đông mang chủ đề "Sự tích ra đời của Nữ thần Athena", bức sơn tường tam giác phía Tây miêu tả "Cuộc chiến đấu giữa Athena và Poseydon dành quyền bảo hộ miền Attic", Phidias đã đưa nghệ thuật điêu khắc lên một tầm cao mới, phối hợp chặt chẽ với ngôn ngữ kiến trúc hoàn thiện của ngôi đền.

+ Đền Erechteyon

Đền Erechteyon là một ngôi đền nổi tiếng khác ở trên Acropole ở Athènes, vị trí của đền đặt ở phía Bắc đền Parthénon. Được xây dựng vào năm 421-405 tr. CN, Erechteyon có mặt bằng không đối xứng, nó bao gồm ba điện thờ nhỏ, hai hành lang cột thức và một sảnh có tên là Cariatide (dùng các trụ đỡ dưới hình thức đàn bà - cột).



Đền Erechteyon

Đền Erechteyon là một đền Ionic mà vị trí của nó trong tất cả các đền Ionic Hy Lạp cũng giống như vị trí của Pathénon trong các đền Doric. Việc sử dụng kiểu mặt bằng tự do ở Erechteyon là hiện tượng có một không hai trong kiến trúc Hy Lạp.

Đền Erechteyon là một đơn thể kiến trúc hoàn mỹ, từ sử dụng thức cột, hình dáng mặt bằng, lợi dụng địa thế, phù hợp địa hình, sáng tạo chi tiết kiến trúc mới đều... rất thành công.

Tương truyền ở khu đất mà Erechteyon được xây dựng, có những phần mộ của ba vị thần được tôn trọng nhất: Athena, Poseydon và vua truyền thuyết Erechtee, là nơi có chiếc giếng thần hình thành bởi mũi chĩa ba đâm xuống trong cuộc đọ sức giữa Athena và Poseydon.

Tác giả đền Erechteyon là kiến trúc sư Pytheos đã đưa ra một giải pháp không bình thường về mặt bằng và hình khối căn cứ vào địa hình có chỗ chênh nhau 3 mét và căn cứ vào tính chất kỹ niệm của khu đất.

Gian thờ Athena ở phía Đông có tiền sảnh có sáu cột Ionic (mỗi cột cao 6,583 mét, đường kính đáy 0,692 mét, độ mảnh bằng 1 : 9,5; khoảng cách thông thủy bằng 2,05 đường kính đáy cột): tiếp tục về phía Tây là gian thờ Poseydon và gian thờ Erechtee, ba phần này tạo thành một hình chữ thập có diện tích 11,63 × 23,5 mét. Ngoài ra có một sảnh vào ở phía Bắc công trình và một khán đài kiểu Cariatide ở phía Nam hướng ra mặt đền Pathénon, chính hai yếu tố này làm cho ngôi đền trở nên không đối xứng.

Cái đẹp duyên dáng của khu sảnh vào được biểu lộ ở hàng cột thức mảnh nhẹ cộng với tỷ lệ thích hợp của dải corniche mỏng phía trên hơi đưa ra khỏi mặt đứng công trình đổ bóng xuống dầm ngang.



Một góc Đền Erechteyon

Cariatide là một kiểu kiến trúc độc đáo khác thường: cách dùng cột thức thường thấy được thay bằng tượng sáu cô thiếu nữ. Về vị trí, khán đài này xây chấn trên lối vào của một cầu thang đưa đến phần mộ của vua Secropse. Nó tạo trên một không gian trống, tương phản với mặt tường đặc phía sau.

Hình thức những cô gái đỡ mái đền này có xuất xứ từ sự tích về những nữ tù nhân trẻ tuổi được đưa đến từ Carie, xứ Laconie.

Trong xiêm áo kiểu Ionia, thân thể cân đối, chân hơi cong về phía trước để đỡ sức nặng của công trình, những cô gái miền Carie này có khuôn mặt trong sáng và thoải mái, tóc tết bím dày và nặng.

Để gây cảm giác nhẹ nhàng, phần mái phía trên có chiều dày được giảm nhỏ, kiến trúc sư - tác giả - chỉ cho các cô gái có chiều cao 2,1 mét đỡ một băng ngang architrave, còn không thiết kế phần frise phía trên như thường lệ.

Khán đài Cariatide là một đối tượng quan sát quan trọng và thường xuyên của đoàn người dự lễ hội, đó chính là điểm nhấn của mặt đứng phía Nam đền Erechtyon.

Hình thức kiến trúc đàn bà - cột này về sau, vào những thời kỳ lịch sử khác nhau, được sử dụng khá nhiều.

Nhìn chung, trong cả quần thể, Erechtyon và Parthénon thể hiện mạnh mẽ tính nhất thống nhất giữa hai mặt đối lập, hai ngôi đền là đối thể của nhau. Đó chính là tính ghép đôi trong kiến trúc. Tính ghép đôi này biểu hiện sự kết hợp hài hòa, sự so sánh về các mặt thành phần, tính chất và kích thước của các đơn thể. Đó cũng là sự cân thiết song phương của hai ngôi đền đối với nhau.

Khái niệm này cũng tồn tại đối với mối quan hệ giữa Sơn môn Propilées và đền Athena Nike.

Acropole ở Athènes, từ tổng thể khu vực đến đơn thể các kiến trúc có nhiều phương diện cần nghiên cứu. Không hiểu Acropole, Parthénon, Erechtyon... thì cũng có nghĩa rằng không tiếp cận được nền văn minh Hy Lạp cổ đại. . .

Ảnh hưởng của kiến trúc trên vệ thành Acropole ở Athènes đối với hậu thế rất lớn, đúng như Mác đã nói về những công trình kiến trúc ở đây như sau: "trong một chừng mực nào đấy, chúng giữ lại cho chúng ta cái giá trị về một tiêu chuẩn và một khuôn mẫu đã đạt đến đỉnh cao".

4.7. NHỮNG LOẠI HÌNH KIẾN TRÚC KHÁC TRONG THẾ GIỚI HY LẠP CỔ ĐẠI

Từ thế kỷ IV tr. CN trở đi, chế độ nô lệ phát triển toàn diện, đại bộ phận nông dân và dân tiểu thủ công nghiệp bị phá sản làm cho đội ngũ dân nô lệ trở nên rất đông, bị chủ nô công thương nghiệp và chủ nô quý tộc áp bức khắc nghiệt, một số nơi chế độ quân chủ được thiết lập.

Đến nửa sau của thế kỷ IV tr. CN. Maxêdoan thống nhất Hy Lạp, xây dựng một đế quốc lớn bao gồm Hy Lạp, Tiểu Á Tế Á, Ai Cập, Syrie, Luông Hà, Ba tư... Sau đó nhà nước này lại chia thành mấy nhà nước quân chủ tập quyền trung ương. Thời kỳ này trong lịch sử gọi là Hy Lạp hậu kỳ hay là thời kỳ Hy Lạp hóa.

Thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển, giao lưu văn hoá Đông - Tây được tiến hành trên một bình diện rộng, khoa học và kỹ thuật tiến thêm một bước mới.

Ta có thể nói thời kỳ này là thời kỳ của việc khai thác các "lãnh vực mới". Kiến trúc phát triển rầm rộ, quy mô lớn, loại hình đa dạng. Các công trình hội trường, kịch trường, câu lạc bộ, nhà tắm, chợ, khách sạn... trước đây đã phát triển đến lúc này đã được xây dựng theo quy tắc ổn định, còn có những loại hình kiến trúc mới như thư viện, hải đăng, bến tàu... Các thủ pháp nghệ thuật đã đa dạng hóa hơn do có máy nâng cất, máy vận chuyển, làm được đàn gỗ, có gạch xây và gạch ốp lát từ phía Đông đưa tới và đã xây được vòm cuốn.

Tuy vậy, đền đài - ngôi nhà tinh thần của quần chúng - không được quan tâm như trước nữa, không còn là biểu tượng của thành bang như trước. Tính xã hội, tính thương mại của kiến trúc tăng lên, nhưng tính cộng đồng lại có phần giảm đi. Kiến trúc có quy mô, kích thước lớn lên ngoài không gian, nhưng điêu khắc lại nhỏ đi và được đưa vào trong nội thất. Đối tượng phục vụ chủ yếu của một số loại hình kiến trúc là dành cho tầng lớp quý tộc. Lăng mộ được xây dựng nhiều, tầm vóc lớn hơn. Vai trò của người xây dựng, các loại thợ, thậm chí kiến trúc sư trở nên không quan trọng. Phong cách kiến trúc do tầng lớp trên chỉ đạo, khống chế, càng về sau càng trở nên dung tục, tuy sự khéo tay, tính tinh xảo trong kiến trúc trong một số trường hợp vẫn được thể hiện.

Những tác phẩm kiến trúc tiêu biểu của kiến trúc Hy Lạp hậu kỳ là: Hội trường và kịch trường ở Megalopolis và ở Epidaure; Điện thờ ở Pergame; Lăng mộ ở Halicamasse; Agora ở Assos và ở Milet; Phường phố và nhà ở ở Olynth và một số khu vực khác.

- Hội trường và kịch trường ở Megalopolis và ở Epidaure

Trong kiến trúc nhà công cộng Hy Lạp hậu kỳ, loại hình hội trường bên trong nhà và nhà hát ngoài trời chiếm đa số.

Nhà hát ngoài trời phát triển rất sớm trước lúc đó đến 1,2 thế kỷ, theo kiểu khu vực khán giả ngồi hình nửa tròn, các bậc càng xa sân khấu tròn càng cao dần lên theo thế núi, lối đi lại hình tán xạ là lối đi chính, lối đi vòng cung chỉ là phụ, việc đi lại và tầm nhìn khá thuận tiện.

Đến thế kỷ IV và III tr. CN, khu vực khán giả và ghế ngồi được ken bằng đá, mấy hàng ghế đầu được làm rất cẩn thận để dành cho tầng lớp trên. Phía sau sân khấu tròn có một phòng nhỏ dùng để hoá trang và để đạo cụ. Có trường hợp, người ta xén bớt một phần sân khấu tròn làm thêm một phòng hẹp và dài dành cho ban nhạc.

Trường hợp nhà hát ngoài trời ở Epidaure (năm 350 tr. CN), sân khấu là một hình tròn nguyên vẹn, đường kính 20,4 mét, đường kính khán đài 118 mét, có 34 hàng chõng ngồi.

Trường hợp nhà hát ngoài trời ở Megalopolis, sân khấu tròn bị cắt đi một phần nhỏ, nhưng số chõng ngồi lên tới hàng vạn, để có thể họp đại hội các công dân, đường kính khán đài lớn tới 140 mét.

Đằng sau sân khấu của nhà hát Megalopolis, còn dấu vết của một hội trường lớn (niên đại xây dựng khoảng 370 - 360 tr. CN) mặt bằng hình chữ nhật 66 × 52 mét, có thể chứa được một vạn người. Chõng ngồi ở đây được thiết kế kiểu hình chữ U, điều đáng quan tâm ở đây là các cột được bố trí sao cho không cản tầm nhìn đối với sân khấu.

Càng về sau, hội trường có nhỏ hơn, ví dụ như đối với sảnh nghị sự (Bouleuterion) ở Milet (năm 170 tr. CN), là một sảnh hình chữ nhật chứa được 1200 người, cao tương đương với hai tầng nhà, phía trước có một sân trong có lối vào và hành lang một tầng bao quanh.

- Điện thờ ở Pergame

Điện thờ ở Pergame (thờ thần Zeus, xây dựng năm 197 - 159 tr. CN) ở trên acropole ở Pergame, là một điện thờ quy mô to lớn, xây dựng đơn độc. Điện thờ có mặt bằng hình chữ U, được đặt trên một bệ cao 5,34 mét, quanh bệ có một dải điêu khắc lớn khắc các tượng người, trên bệ là một khối chủ thể hành lang cột Ionic cao 3 mét bao quanh, phần chính giữa đặt điện thờ.

Mặt bằng điện thờ dài 36,6 mét, sâu 34,2 mét, các bậc lên có chiều rộng 20 mét. Điện thờ ở Pergame hoàn toàn tuân theo một quy cách, một chế định mới, không gắn bó gì với hình thức đền đài xưa kia. Điện thờ ở Pergame gần như không quan tâm gì đến không gian bên trong, nhưng nó có vẻ ngoài đồ sộ và hoa lệ.

Việc xây dựng điện thờ Pergame thể hiện một thiết chế mới trong việc thờ cúng, khi mà chế độ thành bang tan rã, ý nghĩa chính trị của việc thờ thần trong các đền đài kiểu truyền thống không còn được sử dụng nữa.

- Lăng mộ ở Halicarnasse

Lăng mộ của nhà vua Mausol ở Halicarnasse (The Mausoleum Halicarnasse) (335 - 334 tr. CN) được xây dựng dưới sự chỉ đạo của hoàng hậu Artémise, theo đồ án của hai kiến trúc sư Hy Lạp cổ điển hậu kỳ là Pithéos và Satiros.

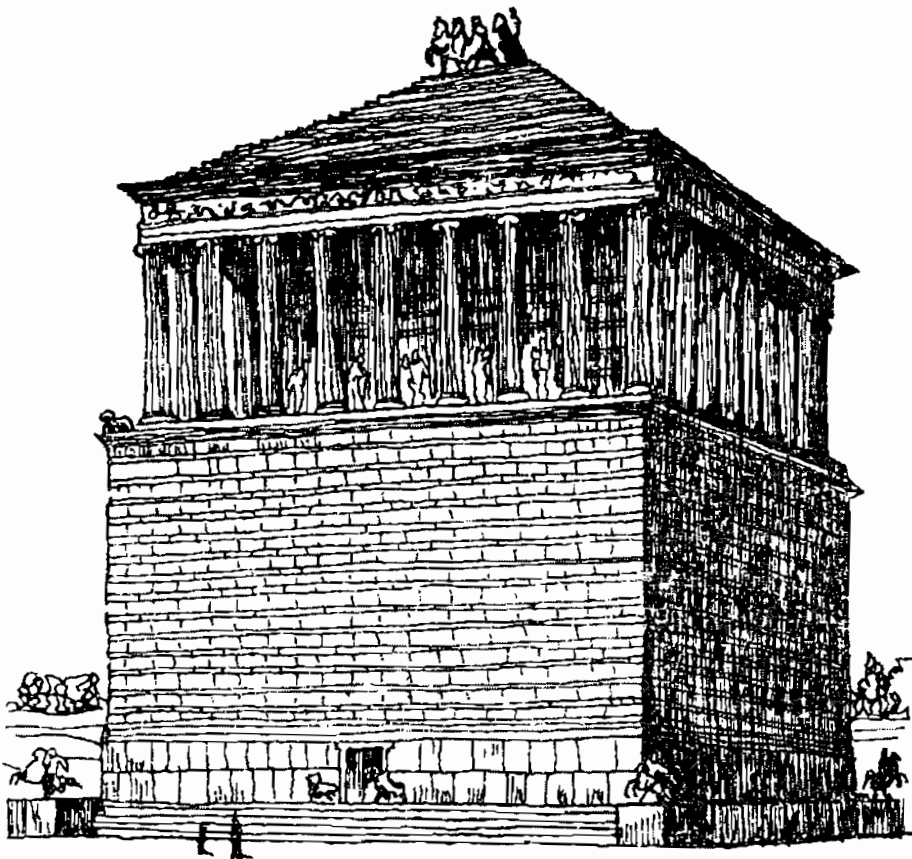
Bố cục mặt bằng, hình khối kiểu tập trung, là một cách bố cục hoàn toàn mới đối với thể loại kiến trúc kỷ niệm. Kiến trúc tòa lăng có kích thước lớn và hình thức nghiêm chỉnh, nhằm thể hiện được quyền uy của chế độ quân chủ.

Công trình chia làm ba phần lớn tính từ dưới lên trên, tầng đế thứ nhất là tầng đế thi hài, được xây dựng bằng đá, nền phía dưới được nở rộng ra mấy bậc tam cấp cũng bằng đá. Ở tầng hai, bên trong có phòng tế lễ, bên ngoài có hàng cột thức chạy bao quanh, phần này có nhẹ nhàng hơn khối đặc phía dưới. Phần thứ ba trên cùng có dạng kim tự tháp, trên đỉnh đặt một cụm tượng.

Công trình cao 43,55 mét, là một kiểu hình lăng mộ hoàn toàn mới, theo truyền thống lăng mộ kiểu tập trung ở Tiểu Á Tế Á, phần trên cùng thêm vào kiểu cách Ai Cập. Kiểu bố cục tập trung này rất thích hợp với kiến trúc các công trình kỷ niệm, mộ táng.

Về tên gọi của công trình, chữ *Lăng mộ của Mausol*, lúc bấy giờ chỉ là một tên riêng, sau đã thoát ra khỏi trường hợp bó hẹp đó để trở thành tên gọi chung cho những ngôi mộ có quy mô lớn được xây dựng công phu. Chữ *Lăng* (Mausoleum, Mausolée) sau này có quê hương ban đầu chính tại miền Carie này.

Trong kiến trúc, Lăng mộ Mausol ở Halicarnasse thuộc vào loại *Mộ đền* (Hereon), nó đã góp phần định hình cho loại lăng mộ quy mô lớn của người đời sau.



Lăng mộ ở Halicarnasse

- Agora ở Assos và ở Milet

Là trung tâm chính trị, hành chính và thương mại của đô thị Hy Lạp cổ đại, các thành phần của agora bao gồm quảng trường chợ, các cửa hàng và các nơi để sinh hoạt văn hoá công cộng như Sân hội họp (Ecclesiasteron). Sân hội đồng (Bouleuterion) và phòng hội đồng (Pritaneum) .

Agora thường đặt ở trung tâm thành phố, ở đây người Hy Lạp cổ đại tiến hành buôn bán, trao đổi, nghe thuyết lý triết học, bình văn, bình thơ.

Agora có hình thức ban đầu từ thời Micènes, đến thế kỷ V tr. CN phát triển mạnh ở Hy Lạp, ví dụ các agora ở Milet, ở Megalopone, ở Knid và sau đó vào thời Hy Lạp hậu kỳ có các agora ở Pergam và ở Assos.

Agora ở Assos (hiện nay thuộc Thổ Nhĩ Kỳ) (khoảng thế kỷ III tr. CN), là một quảng trường hình thang, hai bên có hành lang trống, bảo đảm một độ khép kín vừa phải. Một cạnh của quảng trường có một ngôi đền thờ có hàng cột thức hướng ra phía quảng trường, mặt sau là tường đặc. Hình thức agora ở Assos là một minh chứng cho sự phát triển kinh tế và văn hoá thời kỳ Hy Lạp hoá.

Agora ở Milet được xây dựng trước agora ở Assos (sau thế kỷ V tr. CN), cũng là một ví dụ điển hình của agora thời kỳ Hy Lạp hoá, có hình thức kiểu hình chữ nhật, phù hợp với quy hoạch đô thị kiểu bàn cờ thích hợp với địa hình vùng Tiểu Á Tế Á.

Quy hoạch đô thị kiểu mạng hình học này do nhà quy hoạch Hippodamus đề ra, được gọi là hệ thống quy hoạch kiểu "gridion". Agora ở Milet ở vào tâm điểm của thành phố, xung quanh quảng trường có đền thờ, sân nghị sự, cửa hàng, nhà luyện tập thể dục thể thao, sân bài thi đấu và nhà hát.

Diện tích các agora chiếm khoảng 5% diện tích thành phố.

Agora ở Athènes, vào thời Hy Lạp hậu kỳ (thế kỷ II tr. CN) có hành lang cột rất lớn, dài 111,9 mét (23 bước cột), rộng 20 mét, chia làm hai nhịp, xây dựng bằng đá cẩm thạch trắng.

Nhiều agora cao hai tầng, tầng dưới dùng cột Doric, tầng trên dùng cột Ionic, trang trí rất công phu, chất lượng thẩm mỹ cao.

Qua những hình thức trên, ta thấy đặc điểm của các trung tâm công cộng thời kỳ Hậu Hy Lạp là sử dụng các hành lang mở cho kiến trúc chợ và sử dụng các thức cột tầng trên đặt trực tiếp lên thức cột tầng dưới. Hình thức agora của Hy Lạp sau này được tìm thấy biến thể mới được sử dụng rất rộng rãi ở thời đại La Mã cổ đại, đó là loại hình Forum - tức quảng trường hoàng gia.

- Phường phố và nhà ở Hy Lạp cổ đại

Phường phố và nhà ở Hy Lạp cổ đại được xây dựng và phát triển tương đối sớm. Ở Athènes, do địa hình hạn chế, các nhà ở được xây dựng một cách tự phát, theo từng

phường tùy theo nghề thủ công, các nhà hai tầng chen chúc nhau bên những con đường hẹp.

Trong khi đó, ở khu vực Tiểu Á Tế Á, địa hình bằng phẳng, quy hoạch phường phố có nét riêng của mình. Từ giữa thế kỷ V tr. CN đã bắt đầu đã có những phường phố quy hoạch kiểu ô cờ, đã tạo cho các công dân có điều kiện ở bình đẳng, khu đất xây nhà của mọi người gần bằng nhau. Ví dụ như nhà ở trong các ô phố ở Olynth có kích thước to nhỏ giống nhau.

Mạng lưới ô cờ này vào thế kỷ IV và III tr. CN vẫn được duy trì, nhưng các mảnh đất để xây nhà cho chủ nô và các thương gia ở vào trung tâm thành phố, các dân thường ở khu vực ngoại vi.

Những phường phố có kích thước trung bình khoảng 30×40 mét, cụ thể như một số trường hợp ở Priene là 35×47 mét, ở Milet là 30×36 mét, ở Knid là 32×48 mét. Mỗi phường có 4 - 6 nhà, kết hợp chặt chẽ với nhau trông toàn phường như là một tòa kiến trúc lớn. Đối với các nhà giàu, dinh thự của họ có khi diện tích chiếm tới nửa hay cả phường.

Nhà ở của chủ nô lệ hoặc nhà giàu có cách bố cục bốn mặt khép kín, có cổng vào ở một phía, nhà chính ở phía đối diện, hai cạnh bên có hành lang cột hoặc đặt các phòng phụ. Phụ nữ có các phòng sinh hoạt riêng. Các phòng phía Bắc có ánh nắng mặt trời là những phòng chính, có khi cao hai tầng, tận dụng tranh thủ hướng tốt. Phòng ăn của nam giới là phòng được trang hoàng đẹp nhất, bốn phía có bệ xây bằng đất, để các chủ nô lệ ngồi trên đó ăn uống, nền nhà khảm môzaích.

Có một số nhà ở như nhà ở ở Delos, có sân trời trống thoáng lấy ánh sáng ở giữa làm cốt lõi cho toàn nhà, bốn phía đều có các phòng sinh hoạt. Loại nhà này về sau được sử dụng rộng rãi ở trong kiến trúc La Mã cổ đại.

Nhìn chung, kiến trúc Hy Lạp nảy nở trên một vùng quan trọng của khu vực Địa Trung Hải. Thức cột Doric được phát triển ở Hy Lạp nói riêng, đảo Sicile và miền Nam Italia, trong khi thức cột Ionic phát triển trên những đảo nhỏ của bán đảo Hy Lạp và vùng Tiểu Á Tế Á. Hai loại thức cột này cùng phát triển ở miền Attique và ở Athens. Nghệ thuật Hy Lạp cổ đại ra đời dựa trên sự kết hợp của hai dân tộc người Doria và Inoia. Kiến trúc Hy Lạp thể hiện cái đẹp hoàn thiện, trong đó có sự hoàn thiện của tổ hợp.

Cái đẹp hình thể, sự cân đối, vẻ hài hòa của khối, sự hoàn chỉnh của chi tiết, sự nổi bật của quần thể... là những đặc điểm quan trọng của kiến trúc Hy Lạp cổ đại. Nhưng phẩm chất cơ bản của kiến trúc Hy Lạp cổ đại vẫn là tính thống nhất và tính lôgic.

Sự kết hợp giữa cấu trúc và hình thức trong kiến trúc Hy Lạp đạt đến sự hợp lý ở trình độ cao. Kiến trúc Hy Lạp còn thể hiện sự tinh tế bằng cách biết điều chỉnh độ vi sai thị giác trên mặt đứng công trình. Muốn cho các entablement nhìn trong thực tế có chiều ngang thực sự, thành phần kiến trúc này trong không gian phải xây nghiêng lên từ biên vào giữa.

Kiến trúc Hy Lạp đã kết hợp chặt chẽ với những thành tựu của điêu khắc Hy Lạp. Những điêu khắc trang trí mượn từ những yếu tố thiên nhiên khác nhau (những lá cọ, những bó hoa sen, những lá phiến thảo diệp - acanth, kết hợp với những yếu tố trang trí hình học, tiếp theo là những phù điêu mang những chủ đề lịch sử.

Tính thống nhất trong kiến trúc Hy Lạp vẫn là tính thống nhất trong sự đa dạng. Thống nhất và đa dạng trong kiến trúc Hy Lạp không có sự mâu thuẫn với nhau khi xây dựng các công trình ngoài khu vực Hy Lạp bản địa, kiến trúc vẫn thích ứng với các điều kiện khu vực. Ngoài tôn giáo, kiến trúc Hy Lạp còn đáp ứng được những yêu cầu chính trị của các quốc gia thành bang đề ra trong suốt quá trình phát triển lịch sử. Trước Hy Lạp cổ đại, chưa có một nền kiến trúc nào có nhiều loại hình kiến trúc - đặc biệt là kiến trúc nhà công cộng như Hy Lạp đã có. Xã hội Hy Lạp đã quan tâm đến tính nhân văn của nghệ thuật kiến trúc. Giá trị không phai mờ của kiến trúc Hy Lạp cổ đại thể hiện rõ nét nhất ở những công trình kiến trúc mang tính chất kỷ niệm và sự hoàn thiện về mặt hình thức của các quần thể kiến trúc tôn giáo như dân dụng.